

MẪU 3. BẢNG TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ BÁO CÁO KHOA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2018
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÀN THƠ



| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Decision tree using local support vector regression for large datasets | Our proposed decision tree using local support vector regression models (<i>t</i> SVR) is to handle the regression task of large datasets. The learning algorithm <i>t</i> SVR of regression models is done by two main steps. The first one is to construct a decision tree regressor for partitioning the full training dataset into k terminal-nodes (subsets), followed which the second one is to learn the SVR model from each terminal-node to predict the data locally in the parallel way on multi-core computers. The <i>t</i> SVR algorithm is faster than the standard SVR in training the non-linear regression model from large datasets while maintaining the high correctness in the prediction. The numerical test results on datasets from UCI repository showed that the proposed <i>t</i> SVR is efficient compared to the standard SVR. | 09/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|-------------------------------|---|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 2 | Xây dựng mô hình robot tự lái | Chúng tôi đề xuất xây dựng mô hình robot tự lái với mạng học sâu LeNet5. Vấn đề robot tự lái dựa vào hình ảnh được chuyển về bài toán phân lớp ảnh đường đi từ camera vào một trong ba nhãn là đi thẳng, rẽ sang bên trái hoặc rẽ sang bên phải. Chúng tôi đã thực hiện thu thập tập ảnh đường đi từ camera và tiến hành tiền xử lý, gán nhãn cho từng ảnh trong tập dữ liệu. Mô hình học sâu LeNet5 được cài đặt và huấn luyện để phân lớp ảnh đường đi, điều khiển robot tự di chuyển theo đúng đường đi. Kết quả thực nghiệm cho thấy rằng mô hình mạng học sâu LeNet5 đạt được độ chính xác 95.10%. Mô hình đề xuất đáp ứng được yêu cầu về độ chính xác và điều khiển robot di chuyển theo thời gian thực. | 09/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|------------------------------|
| 3 | Kết hợp các dịch vụ trong môi trường di động theo hướng quan tâm đến chất lượng các dịch vụ | <p>Ngày nay, nhờ sự cải tiến của các thiết bị di động, chúng đã có thể hoạt động như các nhà cung cấp dịch vụ. Tính di động của các nhà cung cấp dịch vụ di động và tính năng động của môi trường di động những đặc trưng của môi trường di động. Vì thế, có hai vấn đề cần giải quyết khi kết hợp dịch vụ trong môi trường di động: (1) làm sao để sử dụng tính di động của thiết bị như một tiêu chí để kết hợp các dịch vụ và (2) ứng phó với tính năng động của môi trường di động như thế nào để việc kết hợp các dịch vụ di động là tối ưu. Để giải quyết các vấn đề trên, chúng tôi đã đề xuất mô hình kết hợp các dịch vụ trong môi trường di động theo hướng quan tâm đến chất lượng dịch vụ có xem xét tính di động của thiết bị. Bên cạnh đó, chúng tôi đề xuất một phương pháp tiếp cận gọi là k-neighbor. Ý tưởng chính của phương pháp tiếp cận k-neighbor là phân tích dịch vụ tổng hợp thành các dịch vụ tổng hợp nhỏ hơn rồi thiết lập giải pháp cho các dịch vụ tổng hợp nhỏ hơn này dựa trên tập hợp các nhà cung cấp dịch vụ sẵn có. Kết quả đánh giá cho thấy cách làm này thích nghi với nhiều mức năng động khác nhau của môi trường.</p> | 09/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | Thạc sĩ Nguyễn Cao Hồng Ngọc |
| 4 | Automated extraction of drug indications | <p>Nghiên cứu tập trung vào việc thu thập dữ liệu thuốc và trích xuất chỉ định thuốc tự động từ SmPC (Summary of product characteristics) được công bố bởi các cơ quan quản lý dược phẩm. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng để tra cứu công dụng của thuốc hay tự động phát hiện việc sử dụng thuốc ngoài hướng dẫn chỉ định trong kê toa của thầy thuốc.</p> | 4/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | Ths. Võ Hải Đăng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 5 | Giải pháp nhà xe tự động cho Khoa CNTT&TT dùng công nghệ RFID. | Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ trình bày một giải pháp cho nhà xe tự động có thể áp dụng cho Khoa CNTT&TT dùng công nghệ RFID với ưu điểm là việc đọc định danh thẻ dễ dàng, có thể phát triển để đọc định danh từ xa, cho phép người gửi xe không cần phải dừng lại khi đi ra/vào bãi. Ngoài ra, trong hệ thống này, chúng tôi sẽ đề xuất các giải pháp để tăng cường tính an ninh cho hệ thống cũng như giải pháp các một số trường hợp ngoại lệ | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | TS. Trần Công Án |
| 6 | Xây dựng một private blockchain dựa trên framework Ethereum. | Blockchain là một trong các công nghệ đang được quan tâm nhất hiện nay. Công nghệ này cho phép truyền tải và lưu trữ dữ liệu một cách an toàn thông qua một hệ thống mã hóa phức tạp. Có rất nhiều ứng dụng tiềm năng của blockchain đã được triển khai như các hợp đồng thông minh, các dịch vụ tài chính, đặc biệt là đồng tiền ảo (bitcoin) đang phát triển rất mạnh trong thời gian vừa qua. Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ trình bày cách thức xây dựng một private blockchain dựa trên framework Ethereum để minh họa cách thức hoạt động của công nghệ này | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | TS. Trần Công Án |
| 7 | AI chatbot | Tìm hiểu về AI chatbot và NLU | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | TS. Lâm Nhựt Khang |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-------------------------|
| 8 | Blockchain và ứng dụng cho đồng tiền ảo | Blockchain là một công nghệ cho phép truyền tải và lưu trữ dữ liệu một cách an toàn dựa vào hệ thống mã hóa vô cùng phức tạp, với rất nhiều ứng dụng tiềm năng như các hợp đồng thông minh, IoT, đặc biệt là nền tảng cho đồng tiền ảo. Báo cáo này sẽ trình bày các nguyên lý cơ bản của công nghệ blockchain và ứng dụng của công nghệ này trong đồng tiền ảo bitcoin | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | Th.S Phạm Thị Xuân Diễm |
| 9 | Ứng dụng Deep learning trong phân loại văn bản và ảnh | Deep learning cho phép các mô hình tính toán bao gồm nhiều tầng xử lý học được cách trình bày dữ liệu ở nhiều mức trừu tượng. Bài báo cáo này sẽ trình bày kết quả ứng dụng deep learning trong việc phân loại văn bản và ảnh. Các đề xuất cải tiến và phương pháp triển khai đại trà công cụ deep learning cũng được giới thiệu. | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | TS. Phạm Thế Phi |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------|
| 10 | Kết hợp các đặc trưng tích chập sâu cục bộ trong bài toán truy hồi ảnh | Các nghiên cứu gần đây cho thấy các đặc trưng ảnh được sinh ra từ các mạng tích chập sâu giúp các bộ phân loại cũng như truy hồi ảnh đạt được hiệu năng tối ưu. Các giá trị kích hoạt từ các lớp tích chập có thể được diễn dịch như là các đặc trưng cục bộ dùng để mô tả ảnh. Các đặc trưng cục bộ này có thể được kết hợp bằng cách sử dụng các cách tiếp cận kết hợp đặc trưng cục bộ truyền thống (ví dụ như các vector đặc trưng Fisher) nhằm sinh ra các bộ mô tả toàn cục có hiệu quả phân loại ảnh cao. Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ trình bày một số phương pháp kết hợp các đặc trưng cục bộ tích chập sâu để sinh ra các bộ mô tả toàn cục gọn nhẹ cho ảnh để ứng dụng trong bài toán phân loại và truy hồi ảnh theo nội dung. | 05/2017 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên | TS. Phạm Thế Phi |
| 11 | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên: Khái niệm và ứng dụng | a.Khái niệm về xử lý ngôn ngữ tự nhiên b.Các lĩnh vực ứng dụng chính c.Các kỹ thuật d.Các thách thức e.Mô hình ngôn ngữ f.Phân lớp và gom cụm | 8/10/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên và học viên cao học | TS. Trương Quốc Định |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|--|---------------------------------|
| 12 | Một số giải pháp dự đoán sở thích người dùng theo thời gian | Hệ thống gợi ý (Recommender Systems - RS) có thể hỗ trợ người dùng trong quá trình ra quyết định bằng cách dự đoán sở thích dựa trên hành vi trong quá khứ của họ. Bài viết này đề xuất giải pháp kết hợp mô hình dự báo và kỹ thuật Tensor Factorization để xem xét đến yếu tố sở thích của người dùng có thể thay đổi theo thời gian nhằm khai thác và tận dụng được các thông tin về thời gian cũng như trình tự mà người dùng đã phản hồi trên hệ thống. Tiếp cận này đã được thực nghiệm trên các tập dữ liệu ở các lĩnh vực khác nhau và được đánh giá bằng độ đo RMSE (Root Mean Squared Error). So sánh với các kỹ thuật Baselines khác không quan tâm đến vấn đề ảnh hưởng của yếu tố thời gian cho thấy giải pháp này rất khả quan. | 9/11/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên và học viên cao học | PGS.TS. Nguyễn Thái Nghe - 1352 |
| 13 | Sơ đồ Bảo mật Paillier và ứng dụng trong Bầu cử và Khiếu nại ẩn danh (Paillier Schema and Application for Anonymous Voting and Denouncing) | Sơ đồ bảo mật Paillier được phát triển từ các giao thức tạo mật mã với khóa công khai Elgama và RSA nhằm xây dựng sơ đồ đăng ký tham gia có ý kiến và khi có ý kiến lại trở thành vô danh một cách hợp pháp. Sơ đồ này rất hữu dụng khi áp dụng vào bầu cử hoặc tố giác tội phạm hoàn toàn theo nhận thức cá nhân. | 9/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, học viên cao học và sinh viên năm cuối | Ts. Lê Quyết Thắng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|--|--------------------------|
| 14 | Ứng dụng Keras trong dự báo mực nước sông Cửu Long tại Cần Thơ | Đồng bằng sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nên hiện tượng nước ngập do triều cường thường xuyên xảy ra. Mực nước trên hệ thống sông Cửu Long ngoài việc ảnh hưởng của thủy triều còn bị ảnh hưởng của rất nhiều các yếu tố như địa hình mực nước nền và rất nhiều yếu tố khí tượng thủy văn khác. Hệ thống dự báo mực nước được xây dựng nhằm giảm thiểu những thiệt hại về kinh tế cũng như có sự chuẩn bị đón phó với triều cường. Mô hình keras được xây dựng dựa trên dữ liệu mực nước hàng giờ của 4 trạm trên sông Cửu Long được đặt tại Tân Châu, Châu Đốc, Vàm Nao và Mỹ Thuận để dự báo mực nước tại Cần Thơ. Tập dữ liệu năm 2012-2015 được dùng để huấn luyện mô hình và dữ liệu năm 2016 dùng để kiểm tra đánh giá | 11/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, học viên cao học và sinh viên năm cuối | Ts. Trần Nguyễn Minh Thư |
| 15 | Khai phá quan điểm (opinion mining) | Báo cáo trình bày một số nghiên cứu hiện nay về khai phá quan điểm (opinion mining) hay phân tích cảm nghĩ (sentiment analysis) là lĩnh vực nghiên cứu về rút trích (extraction) và phân loại các quan điểm (classification), ý kiến, cảm nghĩ, thái độ, tính chủ quan, sự đánh giá, ảnh hưởng, tầm nhìn, xúc cảm... từ nội dung được phát sinh trong văn bản (text). | 11/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên, học viên cao học và NCS. | Huỳnh Xuân Hiệp |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 16 | Gama Cloud - Participative Operational Modeling and Simulation Framework on The Web | <p>The development of agent-based modeling platforms has greatly favored the spreading of agent-based models, in particular because they have allowed non-computer scientist modelers to design complex models. Among the existing platforms, GAMA has gained a lot of attention during the last years thanks to its accessibility, its dedicated high-level modeling language and its capacity to handle large-scale models and geographical data. However, end-users still need to cope with heavy modeling infrastructures and complex deployment procedures, before being able to work on models. There are still technological challenges to achieve modeling on the web. Some initiatives targeting graphical languages are worth to notice. Indeed, there is a lack of practical solutions,</p> <p>lightweight and easy-to-deploy. Moreover, modeling resources, as any kind of software resources today, experience an increasing demand to be accessed using different devices such as tablets and smartphones and from any place in the world at any time. In this paper, we present a centralized lightweight approach for performing multiagent based modeling through web browsers. Gama Cloud is a operational online platform with IDE.</p> | 11/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên, học viên cao học và NCS. | Huỳnh Quang Nghi |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 17 | Ứng dụng IoT và mạng cảm biến trong phục vụ sản xuất nông nghiệp. | Trong báo cáo này, trước hết chúng tôi sẽ trình bày nền tảng mạng cảm biến, Internet vạn vật và các ứng dụng của chúng trong một số lĩnh vực. Phần tiếp theo chúng tôi sẽ trình bày về ứng dụng IoT và mạng cảm biến trong sản xuất nông nghiệp. Phần cuối cùng chúng tôi đề xuất một số giải pháp có thể nghiên cứu ứng dụng thực tế trong điều kiện sản xuất nông nghiệp ở vùng ĐBSCL. | 10/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên, học viên cao học và NCS. | Trương Minh Thái |
| 18 | Tư vấn bằng tiếp cận phân tích hàm ý thống kê. | Báo cáo tập trung vào việc đề xuất các mô hình tư vấn dựa trên người dùng, dựa trên mục dữ liệu trên cơ sở các độ đo phân tích hàm ý thống kê. | 11/2018 | Khoa CNTT&TT | 20 | Giảng viên, sinh viên, học viên cao học và NCS. | Phan Phương Lan |
| 19 | Nghiên cứu gió mùa châu Á, phục vụ giảng dạy sinh viên chuyên ngành địa lí | - Trình bày về khái niệm gió mùa và gió mùa châu Á - Nguồn gốc và nguyên nhân hình thành - Đặc điểm gió mùa ở các khu vực (Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á...) - Vận dụng kiến thức gió mùa Châu Á trong giảng dạy | 12/2018 | Hội trường KSP | 30 | Giảng viên, sinh viên | Châu Hoàng Trung |
| 20 | Nghiên cứu kết hợp một số kinh nghiệm dân gian và phần mềm, ứng dụng trong dự đoán, dự báo thời tiết | - Tổng hợp, phân tích một số kinh nghiệm dân gian trong dự đoán, dự báo thời tiết - Giới thiệu một số phần mềm, ứng dụng và các sử dụng trong dự đoán, dự báo thời tiết - Khả năng kết hợp kinh nghiệm dân gian và phần mềm, ứng dụng trong dự đoán, dự báo thời tiết. | 12/2018 | Hội trường KSP | 30 | Giảng viên, sinh viên | Lê Thành Nghè |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------|
| 21 | Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sẽ trình bày đặc điểm, tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn từ 2012 đến 2016. - Đánh giá tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với tài nguyên môi trường của tỉnh. - Đề xuất một số mô hình thích ứng với hiện tượng này trong thời gian tới. | 12/2018 | Nhà học C2 | 30 | Giảng viên, sinh viên | Huỳnh Hoang Khả |
| 22 | Nghiên cứu cảnh quan ứng dụng" trong mối quan hệ với việc học tập và nghiên cứu của sinh viên sư phạm Địa lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm, nội dung, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của nghiên cứu cảnh quan ứng dụng (CQUD) - Trình bày quan hệ giữa nội dung nghiên cứu CQUD với nội dung kiến thức địa lý. - Phân tích vai trò quan trọng của nghiên cứu CQUD trong việc học tập và nghiên cứu của sinh viên sư phạm Địa lý | 12/2018 | Hội trường KSP | 60 | <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên - Giáo viên địa lí PT - Sinh viên | Phan Hoàng Linh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------|
| 23 | Chính trị nước sông Mekong: Tác động và ứng phó của Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo trước hết trình bày bối cảnh khai thác nguồn nước trên sông chính và phụ lưu sông Mekong ở phía thượng nguồn và những tác động xuyên biên giới đến khu vực hạ lưu. - Trong khi Hiệp định Mekong 1995 không có tính ràng buộc pháp lý và ngày càng tỏ ra không phù hợp trong bối cảnh mới, vấn đề tranh chấp lợi ích trong khai thác sông Mekong đã được đẩy lên cấp ngoại giao khu vực, trong đó, vai trò và vị thế của Việt Nam được xem là chìa khóa quan trọng ảnh hưởng đến định hình an ninh năng lượng của toàn lưu vực. - Phân tích và đánh giá mức độ thành công của chiến lược ngoại giao nước hiện nay của nước ta với vị thế vừa là nước thượng nguồn hưởng lợi từ thủy điện nhưng cũng vừa là nước hạ nguồn chịu hậu quả nặng nề nhất | 12/2018 | Hội trường KSP | 40 | <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên - Giáo viên địa lí PT - Sinh viên | Nguyễn Minh Quang |
| 24 | Tác động của Dân số đối với Giáo dục phổ thông tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2002-2017. | <p>Phân tích các đặc điểm của dân số tỉnh Sóc Trăng và tác động của nó đối với Giáo dục phổ thông của tỉnh trong giai đoạn 2002-2017.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận và đề xuất giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. | 12/2018 | Nhà học C2 | 40 | <ul style="list-style-type: none"> Giảng viên, sinh viên | Ngô Ngọc Trân |
| 25 | Sử dụng phương pháp phân tích SWOT trong học tập và nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nguồn gốc của mô hình SWOT - Phân tích ý nghĩa của các thành phần (Strengths, Weaknesses, Opportunities, Threats) - Trình bày khả năng vận dụng phân tích SWOT trong học tập và nghiên cứu địa lý | 12/2018 | Hội trường KSP | 40 | <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên - Giáo viên địa lí PT - Sinh viên | Lê Văn Hiệu |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 26 | Chủ nghĩa tư bản hiện đại. | Trình bày hoàn cảnh ra đời và sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại. | 12/2018 | 101/C2 | 50 người | Giảng viên, sinh viên | Nguyễn Hữu Thành |
| 27 | Đồn điền của người Pháp nửa đầu thế kỉ XX ở tỉnh Cần Thơ | Đầu TK XX, khi Kênh xáng Xà No và ngã bảy Phụng Hiệp hoàn thành, tỉnh Cần Thơ trở thành trung tâm kinh tế của miền Tây Nam Kỳ. Chính quyền Đông Dương đã có nhiều chính sách nhằm tạo điều kiện cho tư sản Pháp thành lập đồn điền, hoạt động sản xuất và kinh doanh theo phuong thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích quá trình thành lập, hoạt động, sản xuất và kinh doanh của các đồn điền trồng lúa thuộc quyền sở hữu của tư sản Pháp ở tỉnh Cần Thơ. Từ đó chúng tôi rút ra những kết luận về tác động của đồn điền đến cơ cấu kinh tế, xã hội, sự phân hóa và đời sống của các giai cấp, tầng lớp ở tỉnh Cần Thơ trong giai đoạn nửa đầu TK XX. | 12/2018 | 101/C2 | 50 người | Giảng viên, sinh viên | Trần Minh Thuận |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 28 | Dấu ấn văn hóa sông nước trong sự lựa chọn địa bàn cư trú và kiến trúc nhà cửa của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long | Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có môi trường thiên nhiên rất phong phú và đa dạng, vừa có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn đối với cuộc sống con người. Từ thế kỷ XVII, trên vùng đất này bắt đầu xuất hiện một lớp dân cư mới đến từ các tỉnh phía Bắc, cùng các dân tộc anh em đã từng bước chinh phục và biến đổi môi trường này thành một vùng trù phú, phục vụ đắc lực cho cuộc sống con người. Ngược lại, môi trường thiên nhiên đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong sự lựa chọn địa bàn cư trú cũng như kiến trúc nhà cửa của lưu dân người Việt. Địa bàn cư trú của lưu dân người Việt luôn gắn liền với các tuyến sông rạch và hình thức cư trú là làng ấp của người Việt ở Nam Bộ khác hẳn với làng ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ. Bên cạnh đó, phương diện bố trí nhà cửa hay cách thức, vật liệu dựng nhà ở Nam Bộ đều mang dấu ấn của văn hóa sông nước. | 12/2018 | 101/C2 | 50 người | Giảng viên, sinh viên | Phạm Thị Phượng Linh |
| 29 | Anh hưởng của trào lưu tư tưởng ánh sáng Pháp đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX | Tìm hiểu về sự ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng ánh sáng Pháp dẫn đến sự hình thành tư tưởng cấp tiến trong lớp sĩ phu yêu nước Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp,.. | 12/2018 | 101/C2 | | Giảng viên, sinh viên | Trần Thị Hải Yến |
| 30 | Sử dụng tranh biếm họa trong dạy học Lịch sử ở trường Đại học Cần Thơ | Tranh biếm họa có vai trò rất quan trọng trong dạy học Lịch sử. Bài viết sẽ đề cập đến một số vấn đề về tranh biếm họa như khái niệm, vai trò, ý nghĩa, nguyên tắc khi sử dụng và giới thiệu một số tranh biếm có thể sử dụng trong học phần Phương pháp dạy học Lịch sử cho Sinh viên Đại học Cần Thơ. | 12/2018 | 101/C2 | 50 người | Giảng viên, sinh viên | Nguyễn Thị Thùy My |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 31 | Vấn đề xử lý sử liệu học trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam | Nguồn sử liệu Việt Nam qua các thời kỳ lịch rất phong phú về nội dung và đa dạng về loại hình. Trong đó, nhiều tài liệu lịch sử đã được lựa chọn để công bố hoặc chưa được công bố, song nhìn chung vẫn chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu lịch sử. Do vậy, việc xử lý sử liệu học bằng các phương pháp thích hợp đối với từng loại hình tài liệu lịch sử là yêu cầu thực tiễn và có ý nghĩa khoa học. | 12/2018 | 101/C2 | 50 người | Giảng viên, sinh viên | Bùi Hoàng Tân |
| 32 | Quan hệ ngoại giao Việt Nam – Xiêm từ năm 1820 đến năm 1847 | Dưới thời trị vì của vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị (từ năm 1820 đến năm 1847) quan hệ ngoại giao Việt Nam và Xiêm trở nên phức tạp, những xung đột chính trị, quân sự giữa hai nước xoay quanh vấn đề Chân lạp đã trở thành một nội dung ngoại giao quan trọng ở Đông Nam Á lục địa trọng nửa đầu thế kỷ XIX. Báo cáo về vấn đề này góp phần làm sáng tỏ thêm quan hệ Việt Nam – Xiêm trong lịch sử ngoại giao Việt Nam thời trung đại. | 12/2018 | 101/C2 | 30 người | Giảng viên, sinh viên | Phạm Đức Thuận |
| 33 | Mô phỏng phát triển vật liệu chiết suất âm dựa trên cấu trúc bất đối xứng. | Tổng quan về tình hình nghiên cứu và những ứng dụng tiềm năng của graphene hiện nay. Từ những khó khăn và thách thức trong việc sử dụng những ứng dụng cơ bản của các linh kiện điện tử bán dẫn trên Graphene và các vật liệu tương tự Graphene, nhóm đề xuất n | 11/2018 | Khoa Sư phạm | 20 | Giảng viên, sinh viên cao học và sinh viên đại học. | TS. Trần Thanh Hải |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---|------------------|---|----------------------------|
| 34 | Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên Khoa Sư phạm trường Đại học Cần Thơ | Điều tra thông tin việc làm của sinh viên trong 3 năm gần đây từ đó đánh giá nhu cầu tuyển sinh và chất lượng đào tạo tại Khoa Sư phạm trường ĐH Cần Thơ | 11/2018 | Khoa Sư phạm | 20 | Giảng viên, sinh viên cao học và sinh viên đại học. | Ts. Huỳnh Anh Huy |
| 35 | The representation of the band structure in penta-graphene by tight binding calculations | Trình bày tổng quan về tình hình nghiên cứu và những ứng dụng tiềm năng của graphene hiện nay. Từ những khó khăn và thách thức trong việc sử dụng những ứng dụng cơ bản của các linh kiện điện tử bán dẫn trên Graphene và các vật liệu tương tự Graphene, nhóm đề xuất những hướng nghiên cứu lý thuyết cơ bản để giải quyết những khó khăn được nêu ra tại bộ môn Sư phạm Vật lý – Khoa sư phạm- Trường Đại Học Cần Thơ. Đồng thời nghiên cứu hệ số chuyển đổi nhiệt của nhóm vật liệu mới này. | 11/2018 | Khoa Sư phạm | 30 | Giảng viên, sinh viên cao học và sinh viên đại học. | PGS. Ts. Vũ Thanh Trà |
| 36 | Hệ thống hóa kiến thức sinh học thực vật thông qua sơ đồ tư duy khái niệm | Báo cáo khoa học liệt kê và thảo luận các kiến thức sinh học mới được phát hiện gần đây về sinh học thực vật, đặc biệt là hệ thống hóa các kiến thức này thông qua các sơ đồ tư duy khái niệm. Giúp cho sinh viên có khả năng liên kết các nội dung kiến thức đã học | 10/2018 | PTH PPGD Sinh học -Bộ môn Sư phạm Sinh - Khoa Sư phạm | 20 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Sinh học | PGS. TS. Nguyễn Thành Tùng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---|------------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 37 | Cập nhật kiến thức sinh học tế bào phục vụ công tác giảng dạy Sinh học Đại cương | Báo cáo khoa học liệt kê và thảo luận các kiến thức sinh học mới được phát hiện gần đây về sinh học tế bào, đặc biệt là các kiến thức về sinh học tế bào, sinh lý học tế bào và miễn dịch học. Trong đó, quá trình trình diện protein trên màng, quá trình vận chuyển vật chất qua màng và sự nhận diện của các tế bào trong cơ thể sinh vật là những quá trình sinh học phức tạp. Nhờ các quá trình này mà việc giảng dạy cho các kiến thức chuyên ngành về sau sẽ thuận lợi hơn | 08/2018 | PTH PPGD Sinh học -Bộ môn Sư phạm Sinh - Khoa Sư phạm | 20 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Sinh học | TS. Nguyễn Trọng Hồng Phúc |
| 38 | Cập nhật kiến thức Cơ sở phân tử của sự di truyền phục vụ công tác giảng dạy sinh viên ngành Sư phạm Sinh học | Báo cáo khoa học tổng quan các kiến thức cơ bản của di truyền học và cập nhật các kiến thức di truyền học hiện đại kết hợp với những tiến bộ của công nghệ sinh học ở cấp độ phân tử | 08/2018 | PTH PPGD Sinh học -Bộ môn Sư phạm Sinh - Khoa Sư phạm | 20 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Sinh học | TS. Trần Thanh Thảo |
| 39 | Hệ thống hóa kiến thức về tổ chức cơ thể, sự phát triển và đa dạng động vật bằng sơ đồ tư duy Okmindmap | - Giới thiệu sơ đồ tư duy Okmindap. - Thực hiện sơ đồ tư duy về tổ chức cơ thể động vật; sự phát triển và đa dạng động vật | 11/2018 | PTN Động vật -Bộ môn Sư phạm Sinh - Khoa Sư phạm | 30 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Sinh học | ThS. Trần Thị Anh Thư |
| 40 | Việc làm ngoài ngành sư phạm cho sinh viên sư phạm hóa học | Thảo luận một số giải pháp hỗ trợ tìm việc làm ngoài ngành sư phạm cho sinh viên sư phạm hóa học. | 11/2018 | VP.Bộ môn Hóa học, Khoa Sư phạm | 50 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Hóa học | Ths.Ngô Quốc Luân |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| 41 | Hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo bằng phần mềm Mendeley | Hướng dẫn sử dụng phần mềm, cách trích dẫn tài liệu tham khảo và tạo style mới theo định dạng mong muốn. | 11/2018 | VP.Bộ môn Hóa học, Khoa Sư phạm | 50 | Cán bộ và sinh viên BM. SP. Hóa học | Ths.Nguyễn Điền Trung |
| 42 | Nghệ thuật tràn thuật trong truyện ngắn của Thé Lữ | Bài báo cáo triển khai những điểm nổi bật của nghệ thuật tràn thuật trong truyện ngắn của Thé Lữ như: Người kể chuyện, điểm nhìn tràn thuật , ngôn ngữ tràn thuật, giọng điệu tràn thuật và nhịp điệu tràn thuật | 15/11/2018 | Phòng chuyên đề | 20 | Cán bộ và sinh viên | Hồ Thị Xuân Quỳnh |
| 43 | Bước đầu ứng dụng mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) trong dạy học Ngữ văn THPT | Trên cơ sở tìm hiểu lý thuyết về mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), người nghiên cứu sẽ ứng dụng mô hình này vào giảng dạy một số bài học thuộc chương trình Ngữ văn lớp 10 và đánh giá triển vọng của mô hình này trong dạy học Ngữ văn THPT; từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm đổi mới việc dạy và học văn theo định hướng phát triển năng lực người học | 15/12/2018 | Phòng chuyên đề | 20 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Hải Yến |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|--|------------------|---------------------|------------------------|
| 44 | Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long | Trong các sáng tác văn chương, đặc biệt là trong những tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), chúng ta thấy thành ngữ được sử dụng rất đa dạng và nhuần nhị, tạo nên hiệu quả nghệ thuật bất ngờ. Nhờ các yếu tố vần-nhịp- cấu trúc sóng đôi trong thành ngữ, câu văn trở nên nhịp nhàng, cân đối, phù hợp với mục đích diễn đạt, miêu tả mọi hình ảnh, tính chất, trạng thái, hoàn cảnh,...theo dụng ý nghệ thuật của tác giả trong từng trường hợp riêng. Ngoài ra, thành ngữ tiếng Việt luôn có những khuôn hình riêng và thường mang tính biểu trưng cao..... | 15/12/2018 | Phòng chuyên đề | 20 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Thụy Thùy Dương |
| 45 | Xây dựng WebQuest trong dạy học Toán | Giới thiệu mô hình WebQuest 2.0 hỗ trợ dạy và học Toán có sử dụng các dịch vụ Web 2.0 như OKMindmap, Scratch, GeoGebra | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa | 20 | Cán bộ và sinh viên | Bùi Lê Diễm |
| 46 | Điều kiện ổn định của phương pháp dự báo-điều chỉnh HBO 4 đến 7 bước cho ODEs | Xây dựng một họ các phương pháp HBO từ 4-7 bước đóng vai trò dự báo-điều chỉnh, tối ưu và bảo toàn tính co để giải bài toán giá trị ban đầu không tron, từ đó nghiên cứu các điều kiện ổn định của họ các phương pháp này và bài toán tối ưu tìm hệ số CP của phương pháp. | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa Sư phạm | 21 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Thu Hương |
| 47 | Một số sai lầm của học sinh do sử dụng suy luận tương tự khi giải bài toán bất phương trình | Báo cáo nghiên cứu thực tế sai lầm của học sinh khi dùng suy luận tương tự để giải bài toán bất phương trình chứa căn, bất phương trình chứa dấu trị tuyệt đối và bất phương trình logarit | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa Sư phạm | 22 | Cán bộ và sinh viên | Bùi Phương Uyên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|--|------------------|-------------------------|-----------------------|
| 48 | Module hoàn toàn gần như nguyên tố | Trình bày các tính chất của môđun gần như nguyên tố | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa Sư phạm | 23 | Cán bộ và sinh viên | Lê Phương Thảo |
| 49 | Học đảo ngược (flipped learning) với MOOC | Sử dụng một số trang MOOC (Massive Open Online Course) như Khanacademy, edX, Coursera,... trong lớp học đảo ngược (flipped classroom). | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa | 24 | Cán bộ và sinh viên | Bùi Lê Diễm |
| 50 | Hoạt tính kháng vi khuẩn P. acnes của các cao chiết và hợp chất từ lá ô môi | Thông tin về kết quả nghiên cứu hoạt tính kháng vi khuẩn <i>P. acnes</i> , tác nhân chính gây mụn trứng cá ở người tuổi thanh thiếu niên trên các cao chiết và hợp chất từ lá ô môi với qui mô phòng thí nghiệm | 6/2018 | PTN. PPGD Bộ môn Hóa - Khoa Sư Phạm | 30 | Giảng viên và sinh viên | Ngô Quốc Luân |
| 51 | Tinh hình dạy và học Hóa học Theo định hướng phát triển năng lực người học ở một số tỉnh thuộc ĐBSCL | Trình bày thực trạng dạy và học Hóa học ở một số trường PTTH thuộc thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bạc Liêu (Tập trung vào phương pháp giảng dạy và việc thực hiện nội dung chương trình thực hiện theo hướng phát triển năng lực người học) Phân tích những điểm mạnh, điểm còn tồn tại đối với cách dạy và học ở giai đoạn 2014-2017. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Hóa học trong thời gian sắp tới. | 6/2018 | PTN. PPGD Bộ môn Hóa - Khoa Sư Phạm | 30 | Giảng viên và sinh viên | Nguyễn Thị Thu Thủy |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|--|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 52 | Vật liệu perovskite và ứng dụng trong pin mặt trời | - Khảo sát các điều kiện tạo thành lớp perovskite có chất lượng tốt. - Chế tạo và đo các thông số pin của pin mặt trời từ các kết quả khảo sát | 6/2018 | PTN. PPGD Bộ môn Hóa - Khoa Sư Phạm | 30 | Giảng viên và sinh viên | Hồ Hoàng Việt |
| 53 | Phương pháp qui đổi giải bài toán hợp chất hữu cơ có chứa nitơ | Qui đổi các bài toán hỗn hợp các hợp chất hữu cơ chứa nitơ phức tạp về bài toán đơn giản, để xử lí đưa ra kết quả | 6/2018 | PTN. PPGD Bộ môn Hóa - Khoa Sư Phạm | 30 | Giảng viên và sinh viên | Thái Thị Tuyết Nhung |
| 54 | Vấn đề ô nhiễm môi trường của việc sản xuất và sử dụng xi măng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và biện pháp khắc phục | 1. Vai trò của xi măng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; 2. Vấn đề ô nhiễm môi trường liên quan đến việc sản xuất và sử dụng xi măng; 3. Biện pháp khắc phục. | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Hoàng Anh |
| 55 | Tỷ lệ C:N và ứng dụng trong sản xuất phân compost | Định nghĩa tỷ lệ C:N; Phương pháp tính tỷ lệ C:N; Khái niệm phân compost; Nguyên lý sản xuất phân compost; Ứng dụng của tỷ lệ C:N trong sản xuất phân compost. | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Thị Bạch Kim |
| 56 | Đa dạng sinh học trong nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long | Tầm quan trọng của đa dạng sinh học đối với nông nghiệp; Đặc điểm các cảnh quan đa dạng sinh học nông nghiệp chính; Tổng quan đa dạng sinh học nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long; Một số khuyến nghị | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Lê Trần Thanh Liêm |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 57 | Ảnh hưởng của tro bay đến các đặc tính về cường độ và độ bền của bêtông chất lượng cao | Ảnh hưởng của tro bay đến các đặc tính về cường độ và độ bền của bêtông chất lượng cao | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 30 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Huỳnh Trọng Phước |
| 58 | Xây dựng nhà nỗi tránh lũ tại An Giang và Long An | Xây dựng nhà nỗi tránh lũ tại An Giang và Long An | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Cao Hoàng Tiến |
| 59 | Giới thiệu chất kết dính bền vững được chế tạo từ 100% phế phẩm công nghiệp có khả năng thay thế xi măng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng | 1. Tầm quan trọng của chất kết dính được chế tạo từ phế phẩm công nghiệp trong việc giảm thiểu ô nhiễm từ công nghệ sản xuất xi măng truyền thống; 2. Cơ sở khoa học phát triển chất kết dính từ 100% phế phẩm công nghiệp; 3. Tính chất kỹ thuật của chất kết dính được chế tạo từ 100% rác thải rắn công nghiệp. | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Hoàng Anh |
| 60 | Tổng quan ứng dụng của thịt trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>) trong chăn nuôi. | Đặc tính và thành phần dinh dưỡng của thịt trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>); Ứng dụng của thịt trùn Quế trong chăn nuôi trên thế giới; Ứng dụng của thịt trùn Quế trong chăn nuôi ở Việt Nam. | 11/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Thị Bạch Kim |
| 61 | Chức năng và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn | 1. Chức năng sinh thái của rừng ngập mặn: sinh vật sản xuất; sinh vật tiêu thụ; 2. Những vấn đề cần quan tâm về quản lý và kinh tế - xã hội: hàng hóa và dịch vụ của rừng ngập mặn; Giá trị của rừng ngập mặn | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Lê Trần Thanh Liêm |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 62 | Ứng dụng phế thải tro trấu trong sản xuất bêtông hiệu suất cao | Ứng dụng phế thải tro trấu trong sản xuất bêtông hiệu suất cao | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 30 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Huỳnh Trọng Phước |
| 63 | Ảnh hưởng của mật độ đến tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) khi nuôi trong môi trường nước nhiễm phèn | Ảnh hưởng của mật độ đến tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) khi nuôi trong môi trường nước nhiễm phèn | 11/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Lê Thị Phương Mai |
| 64 | Bệnh mới do vi khuẩn Franciscella ở động vật thủy sản | Giới thiệu khái quát về bệnh mới do vi khuẩn Franciscella: nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp phòng trị ở động vật thủy sản | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Trần Nguyễn Hải Nam |
| 65 | Ảnh hưởng của việc sử dụng các nguồn carbohydrate khác nhau trong nuôi cá thát lát cùorm (<i>Chitala ornata gray, 1831</i>) bằng công nghệ biofloc | So sánh hiệu quả của việc bổ sung carbohydrate từ bộ gạo và bột mì trong nuôi cá thát lát cùorm (<i>Chitala ornata gray, 1831</i>) bằng công nghệ biofloc | 12/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Trần Nguyễn Hải Nam |
| 66 | Ảnh hưởng của bổ sung khoáng lên lượng thức ăn ăn vào và các thông số dịch dạ cỏ của dê sữa dưới điều kiện nhiệt đới | - Đánh giá ảnh hưởng của bổ sung khoáng lên lượng thức ăn ăn của dê sữa và sự tác động của khoáng lên môi trường dạ cỏ và protein vi sinh vật. - Đánh giá ảnh hưởng của bổ sung khoáng lên lượng thức ăn ăn liên quan đến sự tiết hormone leptin của dê sữa trong điều kiện nhiệt đới | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Thiết |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 67 | Ảnh hưởng của kỹ thuật đẻ lá đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng dưa lưới trong điều kiện nhà màng | a. Ảnh hưởng của số lá lên sinh trưởng và phát triển của dưa lưới b. Ảnh hưởng của số lá trên cây lên năng suất và chất lượng dưa lưới | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 30 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Phạm Văn Trọng Tính |
| 68 | Ảnh hưởng của phân rơm ủ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trồng trên đất phèn | Đánh giá ảnh hưởng của liều lượng của phân rơm ủ vi sinh đến chiều cao cây, chiều dài lá, độ rộng lá, số lá xanh trên cây, trọng lượng cây, năng suất sinh học và năng suất thương phẩm của rau muống trồng trên đất phèn | 09/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 30 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Trần Duy Phát |
| 69 | Các yếu tố ảnh hưởng quyết định tham gia mô hình trồng nhãn kiều mẫu của nông dân Sóc Trăng | Phân tích đặc điểm sản xuất, hiệu quả trồng nhãn và nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia mô hình trồng nhãn kiều mẫu | 08/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Trần Thanh Dũng |
| 70 | Phân tích chuỗi giá trị tôm vùng ĐBSCL | - Tình hình nuôi tôm (thὲ, sú) ở vùng ĐBSCL - Lượng hóa sơ đồ chuỗi và phân tích kinh tế chuỗi ngành hàng tôm (thὲ, sú) ở vùng ĐBSCL - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao giá trị cho ngành hàng tôm (thὲ, sú) ở vùng ĐBSCL | 11/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 25 | Cán bộ và sinh viên | Lê Văn Dẽ |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------|
| 71 | Cơ sở lý thuyết và thực tiễn đo lường hiệu quả kinh tế và môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về cơ sở lý thuyết đo lường hiệu quả kinh tế - Tổng quan về cơ sở lý thuyết đo lường hiệu quả môi trường - Đề xuất hướng nghiên cứu cho các sản phẩm nông nghiệp vùng ĐBSCL | 08/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 25 | Cán bộ và sinh viên khoa PTNT | Nguyễn Thùy Trang |
| 72 | Thị hiếu người tiêu dùng đối với gạo thân thiện với môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm người tiêu dùng gạo - Thị hiếu người tiêu dùng đối với gạo thân thiện với môi trường - Sự sẵn lòng chi trả (willingness to pay) đối với các thuộc tính của gạo thân thiện với môi trường - Giải pháp phát triển thị trường gạo thân thiện với môi trường | 11/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 25 | Cán bộ và sinh viên khoa PTNT | Võ Hồng Tú |
| 73 | Phân tích hiệu quả sản xuất chanh không hạt tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả sản xuất chanh không hạt tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang - Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất chanh không hạt tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang - Đề xuất giải pháp nâng cao và cải thiện hiệu quả sản xuất chanh không hạt | 10/2018 | Phòng họp Khoa PTNT | 20 | Giảng viên và sinh viên Khoa PTNT | Nguyễn Đỗ Nhu Loan |
| 74 | Văn hóa doanh nghiệp của hệ thống bán lẻ hiện đại tại thành phố Cần Thơ | Dánh giá văn hóa doanh nghiệp dựa vào các biểu trưng trực quan và phi trực quan để đánh giá văn hóa doanh nghiệp của 3 hệ thống bán lẻ hiện đại tại thị trường thành phố Cần Thơ | Tháng 09/2018 | Khoa Kinh tế | 20 | Cán bộ giảng dạy, Nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên | TS. Châu Thị Lê Duyên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|------------------------|
| 75 | Ảnh hưởng của sự đa dạng hóa trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam | Nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của sự đa dạng hóa trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam. Sự đa dạng của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong nghiên cứu này tập trung vào các thuộc tính có thể quan sát được như: giới tính, quốc tịch, độ tuổi và trình độ chuyên môn. Nghiên cứu được thực hiện với bộ số liệu bảng thu thập từ 600 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2015-2017. Phương pháp hồi qui theo bước (Stepwise regression) và GMM được sử dụng để phân tích số liệu. Sự đa dạng của HĐQT được cho rằng có thể làm tăng tính độc lập của HĐQT trong việc định hướng chiến lược và chính sách của công ty cũng như trong việc thực hiện vai trò giám sát, vì vậy có thể làm gia tăng hiệu quả hoạt động của công ty. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị liên quan đến cơ cấu hội đồng quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam. | 31/12/2018 | Phòng NCS - Khoa KT | 25 | Giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên ngành kinh tế | TS. Ngô Mỹ Trân |
| 76 | Sử dụng công cụ <i>Meta-frontier</i> và <i>Meta-technology ratio</i> để mở rộng ứng dụng mô hình DEA trong đánh giá năng suất và hiệu quả sản xuất. | Trình bày hạn chế của mô hình DEA trong đánh giá năng suất và hiệu quả sản xuất. Trình bày công cụ Meta-frontier và cách tính toán Meta-technology ratio. Sử dụng một nghiên cứu thực tiễn minh họa. | 5/2018 | Phòng NCS | 20 | SV, GV | PGS.TS. Quan Minh Nhựt |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|-----------------------|
| 77 | Accessibility and connectivity of MRT in Kuala Lumpur | 1) the role of Mass Rapid Transit in public transport and its contributions to reducing congestion and pollution in cities; 2) the importance of accessibility and connectivity for the success of an MRT system; 3) the context for MRT in Malaysia; 4) the challenges of accessibility and connectivity of MRT in MRT and how transportation authority overcomes such the challenges | 8/2018 | Phòng NCS | 10-20 | Cán bộ và NCS | PGS.TS Võ Văn Dứt |
| 78 | Institutional distance and access to local assets of MNEs | 1) the role of institutional distance in MNEs' access to complementary local assets; 2) the role of subsidiary size and age on the relationship between institutional distance and the obstacle of subsidiary's access to complementary local assets. | 9/2018 | Phòng NCS | 10-20 | Cán bộ và NCS | PGS.TS Võ Văn Dứt |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|-------------------------|
| 79 | WTP or WTA: Determining the Appropriate Welfare Measure When Preferences are Reference Dependent | Many studies find that changes are commonly valued relative to a neutral reference state, a level which may or may not be that of the status quo, with losses and reductions of losses – changes in the domain of losses, short of that reference state – valued much more than gains beyond the reference. Positive changes can then be either gains, best assessed with the WTP measure, or reductions of losses, which like losses, are more accurately assessed with the WTA measure. An objective method to determine which changes are best taken to be gains and which to be reductions of losses has heretofore been lacking, which has likely seriously impeded more accurate assessments of the value of many changes. A means to provide such discrimination is presented here, along with the results of a series of demonstrations and tests of its efficacy, including a demonstration of its application to VSL estimates. The method being suggested appears to offer a useful way to deal with the bias perpetuated by the continuing practice of using WTP for all changes, a predisposition that appears to be a major cause of a serious understating of the importance of losses and reductions of losses. | 10/2018 | Phòng NCS | 10-21 | Cán bộ và NCS | TS. Nguyễn Tuấn Kiệt |
| 80 | Cách tiếp cận xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng/sản phẩm phát triển chuỗi giá trị | Giới thiệu mục đích phát triển chuỗi giá trị của địa phương Cách tiếp cận xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng/sản phẩm Các công cụ để xác định, phân tích và chọn ngành hàng/sản phẩm | 9/2018 | Phòng Học Thuật 1 | 40 | SV & GV | PGS.TS Huỳnh Trường Huy |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|---|------------------------|
| 81 | Đánh giá thực trạng và sự thay đổi trong hành vi sử dụng thuốc lá của người dân TP Cần Thơ | Đánh giá thực trạng và sự thay đổi trong hành vi sử dụng thuốc lá của người dân TP Cần Thơ | 15/10 | Khoa Kinh Tế | 20 | Sinh viên đại học, cao học, CBGD | TS. Tống Yên Đan |
| 82 | Đánh giá ảnh hưởng của hạn năm 2016 đến sinh kế của hộ trồng lúa ở tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng | Đánh giá ảnh hưởng của hạn năm 2016 đến sinh kế của hộ trồng lúa ở tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng | 25/08 | Khoa Kinh Tế | 20 | Sinh viên đại học, cao học, tiến sĩ, CBGD | TS. Ngô Thị Thanh Trúc |
| 83 | Liên kết tiêu vùng trong liên kết vùng | (1) Đường lối và chính sách liên kết vùng phát triển bền vững DBSCL qua Đ593TTg; Điều 52 Hiến Pháp 2013 và NQ 12 TW; (2) Các tiếp cận liên kết tiêu vùng trong liên kết vùng; (3) Thảo luận về ứng dụng vào tiêu vùng ĐT Mười. | 5/2018 | Viện NC PT DBSCL | 40 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Văn Sánh |
| 84 | Chính sách quản lý nước 6 cấp ứng phó biến đổi khí hậu | (1) Biến đổi khí hậu và khan hiếm nguồn nước DBSCL. (2) ND120-CP ngày 17/11/2017 về “Phát triển DBSCL bền vững ứng phó BĐKH (3) Quản lý nước 6 cấp từ Hộ; Công đồng; Địa phương; Tiểu vùng; Vùng; Quốc gia và Quốc tế là cơ hội phát triển chính sách về an ninh nguồn nướccc đến BĐKH. | 8/2018 | Viện NC PT DBSCL | 40 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Văn Sánh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 85 | Ảnh hưởng của nguồn vốn nông hộ và các mô hình sản xuất trên nền đất lúa đến khả năng tiếp cận vốn vay của nông dân DBSCL | Phân tích và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vay vốn sản xuất của nông dân DBSCL | 9/2018 | Viện NC PT DBSCL | 20 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Lê Xuân Thái |
| 86 | Phân loại HTX nông nghiệp ở DBSCL | Phân nhóm các HTX nông nghiệp ở DBSCL dựa vào Bộ tiêu chí của Bộ NN&PTNT | 10/2018 | Viện NC PT DBSCL | 30 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Võ Văn Tuấn |
| 87 | Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực quản lý của ban giám đốc hợp tác xã nông nghiệp ở DBSCL | (1) Phương pháp luận về cơ sở lý thuyết năng lực quản lý (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến NLQL của ban giám đốc HTXNN (3) Hنم ý giải pháp nâng cao NLQL của ban giám đốc HTXNN | 8/2018 | Viện NC PT DBSCL | 30 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Công Toàn |
| 88 | Đánh giá tiềm năng và nhu cầu phát triển vườn cây ăn trái gắn du lịch tại huyện PĐ, TPCT | (1) Phân tích hiện trạng phát triển vườn cây ăn trái gắn du lịch tại huyện PĐ, TPCT (2) Đánh giá tiềm năng và nhu cầu phát triển vườn CĂT gắn du lịch tại huyện PĐ, TPCT. | 9/2018 | Viện NC PT DBSCL | 30 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Công Toàn |
| 89 | Ứng dụng phần mềm Stella trong phân tích độ nhạy của chuỗi giá trị nông sản ở DBSCL | - Nguyên lý - Phương pháp - Ứng dụng, nghiên cứu trường hợp trên lúa | 11/2018 | Viện NC PT DBSCL | 30 | Giảng viên, nghiên cứu viên và học viên | Nguyễn Hồng Tín |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 90 | Ứng dụng tiến trình phân tích thứ bậc logic mờ trong hỗ trợ ra quyết định | - Nguyên lý - Cáchp thực hiện - Ứng dụng, nghiên cứu trường hợp | 10/2018 | Viện NC PT ĐBSCL | 30 | Giảng viên, nghiên cứu viên và học viên | Nguyễn Hồng Tín |
| 91 | Phân tích làm quyết định nhóm | - Nguyên lý - Phương pháp - Ứng dụng | 9/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 25 | Giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên | Đặng Kiều Nhân |
| 92 | Khung ma trận kỹ năng và phát triển vai trò thành viên nhóm trong xây dựng nhóm làm việc | - Nguyên lý - Phương pháp - Ứng dụng | 10/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 25 | Giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên và NCS | Đặng Kiều Nhân |
| 93 | Đánh giá hiện trạng nghiên cứu, giáo dục và khuyến nông để phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam | (i) Hiện trạng nghiên cứu, giáo dục trong nông nghiệp; (ii) Mối liên kết nghiên cứu, giáo dục và khuyến nông; và (iii) Phân tích SWOT | 11/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 25 | Giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên và NCS | Nguyễn Thanh Bình |
| 94 | Nghiên cứu định tính trong phát triển nông thôn: cách tiếp cận và các bước tiến hành | (i) Giới thiệu 5 cách tiếp cận trong nghiên cứu định tính; (ii) Các bước thực hiện; và (iii) Ứng dụng | 10/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 25 | Giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên và NCS | Nguyễn Thanh Bình |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 95 | Canh tác lúa bền vững (Sustainable Rice Platform – SRP) ở ĐBSCL: Cơ hội và thách thức | Khái niệm và bộ tiêu chí SRP Phân tích thực trạng sản xuất lúa khu vực thí điểm sản xuất lúa theo SRP Giới thiệu Qui trình SRP | 8/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 50 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Huỳnh Quang Tín |
| 96 | Kết quả chọn giống lúa chịu mặn của nông dân: Cơ hội và thách thức | Khái niệm “tham gia” trong nghiên cứu nông nghiệp Chương trình chọn tạo giống có sự tham gia ở ĐBSCL Khái niệm “tham gia” trong nghiên cứu nông nghiệp Phân tích cơ hội và thách thức của nông dân tham gia chọn giống cây trồng | 9/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 50 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Huỳnh Quang Tín |
| 97 | Đánh giá kết quả thực hiện mô hình Canh tác lúa bền vững (Sustainable Rice Platform – SRP) tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | Giới thiệu vùng dự án SRP tại Sóc Trăng Phân tích – so sánh thực trạng sản xuất lúa và mức độ đáp ứng các tiêu chí của sản xuất lúa bền vững (SRP) Định hướng phát triển Qui trình SRP | 11/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 50 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Hoàng Khải |
| 98 | Ứng dụng phần mềm R trong nghiên cứu khoa học | (1) Giới thiệu sơ lược về phần mềm R (2) Cách cài đặt và tải các gói ứng dụng (3) Cách cài đặt và tải các gói ứng dụng (4) Thực hành các thao tác cơ bản trong R liên quan đến việc vẽ các hình ảnh đăng tạp chí khoa học | 12/2018 | Viện NCPT ĐBSCL | 30 | Cán bộ, học viên và sinh viên | Nguyễn Thanh Tâm |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 99 | Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo tiêu chuẩn GAP | (1) Lý luận đầu tư và các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP. (2) Đánh giá thực trạng đầu tư và các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP. (3) Phân tích các nhân tố tác động đến việc đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP. (4) Một số quan điểm và giải pháp thúc đẩy nông hộ đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo GAP | 7/2018 | Hội trường Viện NC PT DBCL | 40 | Cán bộ, học viên, sinh viên | Dương Ngọc Thành |
| 100 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với mục tiêu phát triển kinh tế Việt Nam | (1) Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững Việt Nam. (2) Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. (3) Định hướng và giải pháp gắng đầu tư trực tiếp nước ngoài với mục tiêu phát triển kinh tế của Việt Nam và tầm nhìn trong thời gian tới | 10/2018 | Hội trường Viện NC PT DBCL | 40 | Cán bộ, học viên, sinh viên | Dương Ngọc Thành |
| 101 | Vận dụng mô hình CA và SOLO để thiết kế học phần | (1) Lý thuyết mô hình CA và SOLO. (2) Ứng dụng mô hình CA và SOLO thiết kế học phần tại đơn vị Viện NC PT DBSCL | 8/2018 | Hội trường Viện NC PT DBCL | 40 | Cán bộ, học viên, sinh viên | Phạm Công Hữu |
| 102 | Ảnh hưởng của liên kết trong tổ chức sản xuất đến hiệu quả sản xuất lúa ở DBSCL | (1) Tình hình liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ lúa gạo; (2) Hiệu quả sản xuất lúa theo các mức độ liên kết | 8/2018 | Hội trường Viện NC PT DBCL | 30 | Cán bộ, học viên, sinh viên | Lê Cảnh Dũng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|----------------------------|------------------|--|--------------------------|
| 103 | Giá trị du lịch sinh thái vườn ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ: tiếp cận theo phương pháp chi phí du hành | (1) Tình hình phát triển du lịch sinh thái ở ĐBSCL và huyện Phong Điền; (2) Đánh giá giá trị du lịch theo phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method) | 11/2018 | Hội trường Viện NC PT ĐBCL | 30 | Cán bộ, học viên, sinh viên | Lê Cảnh Dũng |
| 104 | Ứng dụng nền tảng Google Earth Engine trong xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng ĐBSCL | Nghiên cứu giới thiệu nền tảng xử lý ảnh viễn thám dựa vào đám mây trong xây dựng bản đồ thực phủ vùng ĐBSCL | 8/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | sinh viên, học viên cao học, cán bộ | TS. Võ Quốc Tuấn |
| 105 | Ủ phân compost hiệu khí từ rác hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học bằng mô hình tự thiết kế (composter) | Thành phần rác Trình bày thiết kế composer Thông số vận hành Chất lượng sản phẩm đầu ra | 8/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | cán bộ, sinh viên | ThS. Nguyễn Trường Thành |
| 106 | Nguy hại của rác thải nhựa và biện pháp hạn chế | Nâng cao nhận thức về tác hại của các loại rác thải nhựa, báo cáo chuyên đề này đề xuất các giải pháp hạn chế như là một phần tham gia bảo vệ môi trường và hệ sinh thái | 9/2018 | Khoa Môi trường và TNTN | 40 | Sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và cán bộ | PGs.TS. Lê Anh Tuấn |
| 107 | Sự tham gia của nữ giới trong các dự án sử dụng nước và ứng phó biến đổi khí hậu – phòng tránh thiên tai | Vai trò tham gia của phụ nữ trong các quá trình hoạch định, chọn lựa địa điểm, xây dựng và vận hành trong công tác sử dụng tài nguyên nước và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai | 9/2018 | Khoa Môi trường và TNTN | 40 | Sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và cán bộ | PGs.TS. Lê Anh Tuấn |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|-------------------------|------------------|--|--------------------------|
| 108 | Đánh giá hiện trạng thực bì rừng tràm Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang và đề xuất giải pháp quản lý | Xác định độ dày thực bì trong rừng tràm, xây dựng bản đồ thực bì, khoanh vùng các vị trí có nguy cơ cháy cao, đề xuất giải pháp quản lý | 09/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, cán bộ | TS. Trần Thị Kim Hồng |
| 109 | Ứng dụng hệ thống túi thổi khí (công nghệ Lemna) xử lý rác thải sinh hoạt hữu cơ | Thành phần rác Trình bày thiết kế Quy trình vận hành Chất lượng sản phẩm đầu ra | 9/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | Cán bộ, sinh viên | ThS. Nguyễn Trường Thành |
| 110 | Hướng dẫn thiết kế hệ thống xử lý nước mặt | Hướng dẫn lựa chọn phương án thiết kế -Hướng dẫn tính toán công trình đơn vị -Hướng dẫn thể hiện bản vẽ công nghệ -Hướng dẫn định giá thành công trình | 9/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | Cán bộ, sinh viên | TS. Nguyễn Văn Tuyển |
| 111 | Chia sẻ kinh nghiệm quản lý chất thải nguy hại trong công nghiệp. | - Chia sẻ kinh nghiệm quản lý chất thải nguy hại công nghiệp Thiết kế nhà chứa tạm lưu giữ CTNH Các quy định và thực thi quản lý CTNH | 9/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | Cán bộ, sinh viên | TS. Nguyễn Xuân Hoàng |
| 112 | Đánh giá thay đổi sử dụng đất và sinh kế dựa trên động thái TNN mặt tại các huyện ven biển ĐBSCL, đặc biệt là huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau | Đánh giá đặc trưng, hiện trạng sử dụng nguồn tài nguyên nước mặt, hệ sinh thái nông nghiệp và sự thay đổi trong sử dụng đất cho theo động thái của nguồn TNN mặt tại huyện các huyện ven biển nói chung và huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau nói riêng. | 10/2018 | Khoa Môi trường và TNTN | 30 | Sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và cán bộ có quan tâm | ThS. Nguyễn Hồng Đức |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|------------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 113 | Ảnh hưởng giá thể lên hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng lọc sinh học nhỏ giọt | Trình bày kết quả nghiên cứu ở qui mô phòng thí nghiệm về ảnh hưởng của 3 loại giá thể khác nhau đến hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt của phương pháp lọc sinh học nhỏ giọt. | 11/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | Cán bộ, sinh viên | TS. Kim Lavane |
| 114 | Đánh giá hiệu quả xử lý nước mặt sông Cần Thơ bằng công nghệ Bè lăng xoáy. | Đánh giá chất lượng nước mặt sông Cần Thơ Thiết kế và xây dựng mô hình bể lăng xoáy Thí nghiệm Jartest xác định liều lượng phèn sử dụng Tiến hành thí nghiệm trên mô hình. | 11/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | cán bộ, sinh viên | ThS. Phan Thanh Thuận |
| 115 | Tác động của lũ đến sử dụng đất nông nghiệp tại vùng ngập lũ tỉnh đồng tháp | - Đánh giá thực trạng lũ trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. - Đánh giá thực trạng sản xuất và hiệu quả sử dụng đất các mô hình canh tác cây trồng NN. - Xác định các yếu tố tác động của lũ đến hiệu quả các mô hình canh tác cây trồng NN. - Phân tích và đề xuất giải pháp sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả | 11/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | sinh viên, học viên cao học, cán bộ | TS. Huỳnh Thị Thu Hương |
| 116 | Tổng hợp các phương pháp xử lý ảnh viễn thám và các nghiên cứu ứng dụng có liên quan đến phương pháp xử lý ảnh viễn thám từ độ phân giải thấp, trung bình và cao | Các phương pháp xử lý ảnh viễn thám từ độ phân giải thấp, trung bình và cao. Các kết quả nghiên cứu có liên quan ứng dụng ảnh viễn thám từ độ phân giải thấp, trung bình và cao | 11/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | Sinh viên, học viên cao học, cán bộ | PGs. TS. Nguyễn Thị Hồng Diệp |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|------------------------|------------------|--|-----------------------|
| 117 | Đánh giá mức độ các phương pháp thu mẫu đất phân tích dung trọng và tỷ trọng của đất | Khảo sát và đánh giá một số phương pháp thu mẫu phân tích mẫu dung trọng và tỷ trọng của đất làm cơ sở đánh giá mức độ tin cậy và sử dụng của các phương pháp khác nhau | 12/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | sinh viên, học viên cao học, cán bộ | PGS.TS. Lê Tân Lợi |
| 118 | Đánh giá chất lượng đất, nước, phèu sinh vật và đa dạng cá ở vùng trồng tràm, keo lai và lúa 2 vụ tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ | Biến động chất lượng đất, nước, phèu sinh và cá tự nhiên vào mùa khô ở vùng trồng tràm, keo lai và lúa tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ | 15/12/2018 | Khoa Môi trường & TNTN | 30 | sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, cán bộ | ThS. Lê Văn Dũ |
| 119 | Di sản văn bia ở tỉnh An Giang – thực trạng bảo tồn và giải pháp khai thác giá trị di sản văn bia phục vụ phát triển du lịch. | Khái quát di sản văn bia ở tỉnh An Giang; Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa và giải pháp phát triển du lịch di sản văn bia ở tỉnh An Giang | 10/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | PGS. TS Đào Ngọc Cành |
| 120 | Khai thác các di sản văn hóa để phục vụ phát triển du lịch ở cụm di tích Núi Sam, TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang | Tiềm năng phát triển du lịch tại cụm di tích Núi Sam, TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang; Tiềm năng phát triển du lịch tại cụm di tích Núi Sam, TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang Một số định hướng và giải pháp khai thác di sản văn hóa để phát triển du lịch tại cụm di tích Núi Sam, TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang | 10/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | PGS. TS Đào Ngọc Cành |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------|-----------------------|
| 121 | Cơ hội và thách thức đối ngành Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch) trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 | Lịch sử phát triển các cuộc cách mạng công nghiệp Một số vấn đề về cách mạng công nghiệp 4.0 + Khái niệm cách mạng công nghiệp 4.0 + Đặc điểm và bản chất của cách mạng công nghiệp 4.0 + Các xu hướng công nghệ của cách mạng 4.0 Cơ hội và thách thức đối với ngành Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch) trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 Một số gợi ý cho công tác đào tạo ngành Việt Nam học | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Nguyễn Trọng Nhân |
| 122 | Quảng bá du lịch thành phố Cần Thơ dưới góc nhìn văn hóa truyền thống | Khái quát chung Phân tích hoạt động quảng bá du lịch thành phố Cần Thơ qua thực tiễn và lý thuyết Kết luận | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Trương Kim Thùy |
| 123 | Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng học phần Thực tập Nghiệp vụ du lịch trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên Du lịch) tại Đại học Cần Thơ | Vai trò của học phần Nghiệp vụ Du lịch đối với sinh viên ngành Việt Nam học Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học phần Thực tập Nghiệp vụ du lịch | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Cao Mỹ Khanh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------|-----------------------|
| 124 | Tiềm năng du lịch tại cù lao Tắc Cậu, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. | Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch và đề xuất hướng khai thác tiềm năng phục vụ phát triển du lịch ở cù lao Tắc Cậu (Kiên Giang) | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Cao Mỹ Khanh |
| 125 | Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ của sinh viên ngành Việt Nam học, đại học Cần Thơ | Đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên ngành Việt Nam học. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình nâng cao trình độ ngoại ngữ cho sinh viên. Đề xuất giải pháp nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên | 10/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Lý Mỹ Tiên |
| 126 | Phục hồi những giá trị văn hóa của cộng đồng để phát triển du lịch tại làng Yim Tin Tsai, Hồng Kông | Khái quát & lịch sử phát triển về ngôi làng Yim Tin Tsai Quá trình phục hồi các giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tại Yim Tin Tsai. Bài học kinh nghiệm về một ví dụ điển hình cho phục hồi và bảo tồn các giá trị văn hóa để khai thác du lịch | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Lê Thị Tô Quyên |
| 127 | Đánh giá các điều kiện phát triển du lịch tại Hồng Kông | Khái quát chung về Hồng Kông Những điều kiện phát triển du lịch tại Hồng Kông + Tài nguyên du lịch + Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch + Nguồn nhân lực + Đường lối chính sách phát triển du lịch Kết luận và đưa ra bài học kinh nghiệm cho việc phát triển du lịch tại các đảo ở Việt Nam | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Lê Thị Tô Quyên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 128 | Tìm hiểu về du lịch biển đảo vùng Tây Nam Bộ | Tổng quan về vùng Tây Nam Bộ. Tiềm năng du lịch biển đảo vùng Tây Nam Bộ Thực trạng phát triển du lịch biển đảo vùng Tây Nam Bộ | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Nguyễn Mai Quốc Việt |
| 129 | Phát triển du lịch bền vững ở đảo Phú Quốc dưới góc nhìn văn hóa xã hội | Tổng quan về phát triển du lịch bền vững Tiềm năng phát triển du lịch của Phú Quốc Phát triển du lịch bền vững ở đảo Phú Quốc dưới góc nhìn văn hóa xã hội | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Nguyễn Mai Quốc Việt |
| 130 | Chia sẻ về phương pháp viết bài báo khoa học quốc tế | (1) Đặt vấn đề (2) Bố cục của bài báo khoa học quốc tế (3) Làm sao để có một bài viết thành công? (4) Những lưu ý khi viết bài báo khoa học quốc tế (5) Kết luận | 12/2018 | Khoa KHXH & NV | 30 người | Giảng viên và sinh viên | Ths Nguyễn Thị Huỳnh Phượng |
| 131 | Vài nét về bút ký chính luận trên tạp chí Bách Khoa | Giới thiệu về bút ký chính luận. Những nét chính về nội dung, hình thức, đóng góp của bút ký chính luận trên tạp chí Bách Khoa | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | TS. Bùi Thanh Thảo |
| 132 | Vài nét về truyện ngắn của các cây bút nữ trên tạp chí Bách Khoa | Giới thiệu về tạp chí Bách Khoa. Những nét chính về nội dung, hình thức, đóng góp ở thể loại truyện ngắn của các cây bút nữ trên tạp chí Bách Khoa | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | TS. Bùi Thanh Thảo |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|-----------------------|
| 133 | Bước đầu tìm hiểu về các hướng tiếp cận lý thuyết diễn ngôn | Trong những năm qua, lý thuyết diễn ngôn đã được giới nghiên cứu quan tâm và ứng dụng vào việc nghiên cứu văn bản văn học. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đã có những công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này. Tuy nhiên, việc xác định khái niệm còn khá mơ hồ. Bài nghiên trình bày về các hướng tiếp cận lý thuyết diễn ngôn được ứng dụng hiệu quả trong việc nghiên cứu văn bản văn chương. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths Lê Thị Nhiên |
| 134 | Vai trò của báo chí với sự hình thành và phát triển “Thơ mới” ở Nam Bộ 1932 – 1945 | Dầu thế kỉ XX, cơn lốc văn hóa phương Tây tràn vào Nam Bộ đã làm thay đổi mọi hình diện của cuộc sống, đặc biệt là phương diện tinh thần. Trong bối cảnh ấy, hoạt động báo chí ở Nam Bộ ra đời. Nó không chỉ đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin mang tính thời sự mà còn tác động mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển văn học bằng chữ quốc ngữ ở Nam Bộ, trong đó có thơ ca. Vì vậy, việc khẳng định vai trò cốt thiết của báo chí trong việc hình thành và phát triển “Thơ mới” ở Nam Bộ 1932 – 1945 là điều cần thiết. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | TS. Lê Văn Phương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| 135 | Phong tục sinh nở người Việt dưới góc nhìn văn hóa học | Phong tục sinh nở có từ bình minh của loài người và khác nhau trong cộng đồng mỗi dân tộc. Từng dân tộc có cách nhìn nhận vấn đề này khác nhau, dẫn đến hành vi văn hoá cũng khác nhau. Song y học ngày nay đã phát triển nhiều so với trước, hành trình “vượt cạn” của thai phụ cũng đã khác trước. Nhưng sự khác biệt trong điều kiện sống và sự tiếp cận tri thức khác nhau khiến cách tiếp y học hiện đại diễn ra đồng đều. Bài nghiên cứu này chỉ ra một số vấn đề về phong tục sinh nở truyền thống để chúng ta có cái nhìn nhân văn hơn về một phong tục liên quan chặt chẽ đến đời sống mỗi người chúng ta. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Tạ Đức Tú |
| 136 | Xu hướng phát triển của công nghệ truyền hình hiện nay | Giới thiệu chung về chương trình truyền hình. Những xu hướng phát triển của truyền hình hiện nay với sự phát triển của khoa học công nghệ. Liên hệ, so sánh với thực tiễn phát triển của một số đài truyền hình khu vực DBSCL. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Nguyễn Thị Kiều Oanh |
| 137 | Đạo đức nghề báo – Lương tâm và trách nhiệm của nhà báo | Giới thiệu 10 điều quy định đạo đức người làm báo Việt Nam của Hội Nhà báo Việt Nam. Thực trạng về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam trong những năm gần đây – những bài học đắt giá. Quan điểm của những nhà báo kỳ cựu trong làng báo Việt Nam về đạo đức nghề báo. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Đỗ Thị Xuân Quyên |
| 138 | Lịch sử báo chí Việt Nam – từ sơ khai đến năm 1975 | Giới thiệu lịch sử báo chí Việt Nam từ lúc tờ báo đầu tiên ra đời đến năm 1975. Những đóng góp to lớn của nền báo chí Cách mạng Việt Nam vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Đỗ Thị Xuân Quyên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| 139 | Thiên nhiên trong "Thơ mới" Nam bộ (1932-1945) từ góc nhìn văn hóa | "Thơ mới" Nam Bộ (1932-1945) được hình thành và vun bồi từ yếu tố văn hóa nội sinh và ngoại nhập. Ngay từ giây phút "cựa mình", trên vùng đất mới, những cây bút thơ đã rất hăng hái tìm tòi, khám phá và thể nghiệm nhiều nguồn cảm hứng mới, trong đó cảm hứng về thiên nhiên được xem là đặc sắc hơn cả. Nguồn cảm hứng này tuy không mới nhưng đi vào "Thơ mới" Nam Bộ lại in đậm dấu ấn bản sắc địa văn hóa, tạo nên nét đặc thù riêng. Thiết nghĩ, tiếp cận với thiên nhiên trong "Thơ mới" Nam Bộ để hòa nhịp vào dòng chảy văn hóa mang tính đặc thù của vùng đất mới phương Nam là điều cần thiết. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ts. Lê Văn Phương |
| 140 | Công chúng báo chí với vấn đề phát triển kinh tế báo chí truyền thông | Xác định rõ vấn đề công chúng báo chí và kinh tế truyền thông. Trình bày hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của báo chí truyền thông. Phân tích mối quan hệ giữa công chúng báo chí với vấn đề phát triển kinh tế báo chí truyền thông. Từ đó góp phần định hướng hoạt động của báo chí truyền thông. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Nguyễn Thị Kiều Oanh |
| 141 | Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo điều tra | Trình bày thực tra các vấn đề báo chí điều tra, phân tích các yếu tố nghề nghiệp về phẩm chất của nhà báo điều tra bằng số liệu, dữ liệu thực tiễn. Từ đó cho thấy vai trò của đạo đức nghề nghiệp của nhà báo điều tra. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Nguyễn Thị Kiều Oanh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|----------------------------|
| 142 | Điển tích trong bài Vọng cổ ở Nam bộ | Đờn ca tài tử là một loại hình nghệ thuật đặc trưng của văn hoá Nam bộ, trong đó, vọng cổ là một loại hình âm nhạc độc đáo. Trong bài vọng cổ, điển tích là một phương diện được các soạn giả lựa chọn, thể hiện thành công. Trong bài viết này chúng tôi sẽ phân tích những đặc sắc và thành công của các soạn giả khi vận dụng điển tích vào sáng tác của họ. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Ths. Lê Thị Nhiên |
| 143 | Xu hướng phát triển của báo chí mạng điện tử ở Việt Nam | Thế kỷ 21, Internet và công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ dẫn đến sự phát triển tất yếu của báo chí truyền thông và báo mạng điện tử Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế phát triển này. Bài báo này tìm hiểu một số xu hướng phát triển của báo mạng điện tử Việt Nam đang xảy ra và được dự đoán sẽ tiếp tục trong tương lai. Cụ thể, báo mạng điện tử Việt Nam sẽ có những thay đổi liên quan đến yếu tố kinh tế, những thay đổi liên quan đến quá trình, cách thức sản xuất tin tức, và nội dung tin tức. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Th.S Trần Vũ Thị Giang Lam |
| 144 | Một số đặc trưng của báo mạng điện tử Việt Nam | Báo mạng điện tử ra đời đã tạo bước ngoặt quan trọng trong quá trình truyền tin và tiếp nhận thông tin của công chúng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Bài viết này sẽ thảo luận về những đặc trưng chủ yếu của báo mạng điện tử Việt Nam như: siêu văn bản, sự tương tác, sự đa phương tiện. Những yếu tố này quyết định “giá trị phụ trợ” của những loại hình báo chí online và đưa ra 3 chiến lược cụ thể các nhà báo có thể sử dụng để nâng cao thêm tiềm năng của báo chí mạng điện tử, đó là : tường thuật có chủ thích (tường thuật diễn giải), báo chí nguồn mở, và những trang tin tức có khả năng siêu thích ứng. | 30/8/2018 | Khoa KHXH & NV | 25 | CB và SV đơn vị | Th.S Trần Vũ Thị Giang Lam |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------------|------------------|-------------------------|-----------------------|
| 145 | Nghiên cứu về di cư quốc tế: tình hình phụ nữ Việt Nam sang các nước Châu Á làm việc. | - Khái quát về lịch sử di cư quốc tế - Phân tích thực trạng và chính sách bảo vệ phụ nữ khi làm việc ở nước ngoài hiện nay - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Nguyễn Ánh Minh |
| 146 | Bất bình đẳng giới và đói nghèo trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long | - Khái quát về bất bình đẳng giới - Phân tích mối liên hệ giữ bất bình đẳng giới và đói nghèo - Thực trạng, kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Nguyễn Ánh Minh |
| 147 | Khuynh hướng kiến tạo và khuynh hướng duy thực trong nghiên cứu xã hội học | Giới thiệu sơ lược về khuynh hướng kiến tạo và khuynh hướng duy thực - Phân tích 2 khuynh hướng này trong nghiên cứu xã hội học. - Áp dụng vào đề tài cụ thể | 10/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Ngô Thị Thanh Thúy |
| 148 | Các chỉ báo cần thiết khi nghiên cứu một đề tài về lối sống | - Giới thiệu sơ lược về lối sống - Các chỉ báo khi nghiên cứu. - Áp dụng vào đề tài cụ thể | 11/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Ngô Thị Thanh Thúy |
| 149 | “Giải pháp nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội – đặc biệt sinh viên sẽ trở thành Nhân viên Xã hội”. | - Giới thiệu sơ lược vấn đề - Thực trạng về kỹ năng thực hành nghề của sinh viên mới ra trường - Đề xuất giải pháp - Kết luận | 09/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Huỳnh Thị Thanh Hường |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------------|------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 150 | “Kỹ năng viết đề xuất dự án cho sinh viên năm cuối Khoa KHXH&NV trường Đại học Cần Thơ”. | - Khái quát về dự án - Yêu tố cần thiết để đề xuất dự án thành công hiệu quả - Các bước để viết đề xuất dự án - Kết luận | 09/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 | Giảng viên và sinh viên | Huỳnh Thị Thanh Hường |
| 151 | “Vai trò ba mặt của phụ nữ Việt Nam hiện nay”. | - Khái quát về thuật ngữ vai trò giới; - Thực trạng và các tranh luận về vai trò ba mặt của phụ nữ - Kết luận | 11/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 người, | Giảng viên và sinh viên | Nguyễn Ngọc Lệ |
| 152 | Định hướng lựa chọn đề tài nghiên cứu cho sinh viên ngành Xã hội học. | - Một số khái niệm, - Mục đích của nghiên cứu khoa học - Xác định vấn đề nghiên cứu - Những điều kiện cần đối với việc chọn đề tài nghiên cứu | 10/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 người, | Giảng viên và sinh viên | Trần Thị Diễm Cầm |
| 153 | Tác động của việc di cư đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của nông hộ vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. | - Một số khái niệm, - Thực trạng tác động của việc di cư đến hoạt động sản xuất nông nghiệp - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường Khoa KHXH & NV | 25-30 người, | Giảng viên và sinh viên | Trần Thị Diễm Cầm |
| 154 | Hiểu đúng về luật sở hữu trí tuệ trong thông tin sáng chế đối với việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng | Trình bày mối quan hệ giữa sở hữu trí tuệ với việc thương mại hóa các sản phẩm được độc quyền sáng chế | 9/2018 | Khoa KHXH& NV | 30 | Cán bộ và sinh viên khoa KHXH&NV | Nguyễn Huỳnh Mai |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|----------------------------------|-------------------------|
| 155 | Những nét mới của dịch vụ thư viện dành cho thiếu nhi của các thư viện công cộng trên thế giới, từ đó rút ra kinh nghiệm có thể áp dụng cho các dịch vụ thư viện thiếu nhi trong nước | Trình bày những dịch vụ hữu ích, sáng tạo dành cho thiếu nhi của các thư viện công cộng trên thế giới, từ đó rút ra kinh nghiệm có thể áp dụng cho các dịch vụ thư viện thiếu nhi trong nước | 9/2018 | Khoa KHXH& NV | 30 | Cán bộ và sinh viên khoa KHXH&NV | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 156 | Vài nét về giá trị văn hóa một số lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ. | - Giới thiệu về một số lễ hội của người Khmer Nam Bộ; - Nêu vài nét về giá trị văn hóa đặc trưng của một số lễ Hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ.E7 | 11/2018 | Khoa KHXH & NV | 25-30 người | Cán bộ và sinh viên khoa KHXH&NV | ThS. Thạch Chanh Đa |
| 157 | Định hướng phát triển chăn nuôi bò thịt công nghệ cao ở Đồng bằng sông Cửu Long | Bài báo cáo sẽ trình bày các công nghệ cao và mới trong NCKH và ứng dụng trong chăn nuôi bò thịt, phương thức nuôi, tiêu thụ sản phẩm của quốc tế và Việt Nam. Sự phân tích về tài chính, giá cả, tiêu thụ và nhu cầu sản xuất bò thịt của các tỉnh ĐBSCL cũng sẽ được trình bày, từ đó đề xuất các định hướng cho việc phát triển các công nghệ cao trong chăn nuôi bò thịt thích hợp cho người sản xuất ở ĐBSCL. | 9/2018 | Khoa NN&SHUD | 40 | Sinh viên & học viên cao học | GS. TS Nguyễn Văn Thu |
| 158 | Chất cấm trong chăn nuôi | Mô tả về khái niệm, phân loại, tác hại của chất cấm trong chăn nuôi hiện nay. Nêu các giải pháp thay thế các chất cấm và hướng xử phạt các cơ sở sử dụng chất cấm trong chăn nuôi | 9/2018 | Khoa NN&SHUD | 20 | Sinh viên & học viên cao học | PGS. TS. Đỗ Võ Anh Khoa |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| 159 | Nghiên cứu khả năng sản xuất trứng của gà lai F1 (Ri Vàng x Ai Cập) trong điều kiện nuôi bán chăn thả | Gà Ri vàng có sức chống chịu bệnh cao, khả năng sản xuất tương đối khá, chất lượng thịt và trứng thơm ngon, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Ngoài ra gà Ri vàng còn có khả năng kiềm mồi tốt phù hợp với điều kiện nuôi bán chăn thả. Tuy nhiên sản lượng trứng chưa cao, khoảng 124-130 quả/mái/năm. Chính vì vậy việc lai tạo với các giống gà nhập nội, trong đó gà Ai Cập là một giải pháp tốt nhằm nâng cao năng suất trứng của giống gà này vì gà Ai Cập là giống gà cao sản có năng suất trứng khá cao (200-210 quả/mái/năm) và có chất lượng thịt, trứng thơm ngon. Kết quả lai tạo cho thấy con lai F1 có năng suất trứng đến 45 tuần tuổi đạt 101,67 quả/mái, tương đương với gà Ai Cập là 103 quả/mái. Khối lượng trứng ở 40 tuần tuổi của gà lai F1 là 47,62 g tương đương và cao hơn gà Ai Cập là 46,77 g. Vỏ trứng của gà lai có màu phớt hồng giống với gà Ri vàng. Tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng là 2,2 kg. Chất lượng trứng của gà lai F1 đạt chỉ tiêu về giống với chỉ số hình dáng khoảng 77%, trứng có khả năng chịu lực cao với 3,8 -4,33 kg/cm ² và đơn vị Haugh từ 83,56-85,01. | 10/2018 | Khoa NN&SHUD | 40 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Phạm Ngọc Du |
| 160 | Ba nguyên tắc an toàn sinh học trong các cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ | Nêu các thông tin về nguyên tắc cách ly và kiểm soát vào, ra, nguyên tắc vệ sinh làm sạch và nguyên tắc khử trùng tại các cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. | 10/2018 | Khoa NN&SHUD | 50 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Phạm Tân Nhã |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|--------------------------|
| 161 | Ảnh hưởng của phụ phẩm trái cây lên chất lượng sữa dê và khả năng chống oxi hóa | Xác định hàm lượng các chất chống oxi hóa trong phụ phẩm trái cây. Nêu khái quát về mức ảnh hưởng và cơ chế của các hoạt chất chống oxi hóa của phụ phẩm trái cây lên chất lượng sữa và khả năng chống oxi hóa. | 10/2018 | Khoa NN&SHUD | 40 | Sinh viên & học viên cao học | Ths. Hồ Thiện Khôi |
| 162 | Khai thác hiệu quả ứng dụng trên smartphone để chấm điểm và quản lý điểm thể trạng ở bò sữa | Dánh giá thể trạng của bò sữa nhằm xác định tình trạng dinh dưỡng của bò. Qua đó, giúp người chăn nuôi khai thác được sản lượng sữa tối đa; nâng cao được khả năng sinh sản; hạn chế những rủi ro về các bệnh dinh dưỡng/rối loạn trao đổi chất và có chiến lược chăm sóc quản lý bò một cách hợp lý nhất. Báo cáo sẽ tập trung hướng dẫn kỹ thuật khai thác hiệu quả ứng dụng trên smartphone để chấm điểm và quản lý điểm thể trạng ở bò sữa. | 10/2018 | Khoa NN&SHUD | 50 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Hồ Thanh Thâm |
| 163 | Chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam: Giải pháp tăng lợi nhuận và chất lượng sản phẩm sữa. | - Hiện trạng công nghệ chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam - Giải pháp tăng lợi nhuận từ chăn nuôi bò sữa - Giải pháp tăng chất lượng sản phẩm sữa - Khuyến cáo đối với người tiêu thụ sản phẩm sữa | 10/2018 | Khoa NN&SHUD | 30 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Lâm Phước Thành |
| 164 | Khảo sát năng suất, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Mật gấu (Vernonia amygdalina Del.) | Giới thiệu về hoạt tính sinh học của cây Mật gấu (Vernonia amygdalina) về kháng khuẩn, kháng nấm, chống oxy hóa, bảo vệ gan và các tác dụng giải độc tế bào có lợi cho sức khỏe. Cung cấp thông tin về năng suất, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Mật gấu (Vernonia amygdalina Del) | 11/2018 | Khoa NN&SHUD | 30 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Nguyễn Thị Hồng Nhân |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|-------------------------------|
| 165 | Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để tạo nguồn thức ăn cho bò ở những vùng bị xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu. | Tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng đến nguồn thức ăn đẻ nuôi bò tại một số tỉnh ven biển. Đề xuất một số biện pháp để tạo nguồn thức ăn cho bò. | 11/2018 | Khoa NN&SHUD | 30 | Sinh viên & học viên cao học | TS. Nguyễn Văn Hớn |
| 166 | Bệnh toan huyết ở bò | Nguyên nhân bệnh, triệu chứng và cách phòng trị của bệnh toan huyết ở bò | 12/2018 | Khoa NN&SHUD | 40 | Sinh viên & học viên cao học | PGS. TS Nguyễn Nhựt Xuân Dung |
| 167 | Ảnh hưởng mức bồ sung bột tiêu hồi lên khả năng sản xuất trứng và chất lượng trứng gà Isa Brown | Vai trò của một bột tiêu hồi trong y học và chăn nuôi gia cầm Ảnh hưởng mức bồ sung bột tiêu hồi lên khả năng sản xuất trứng gà Isa Brown Ảnh hưởng mức bồ sung bột tiêu hồi lên chất lượng trứng gà Isa Brown | 11/2018 | Khoa NN&SHUD | 20 | Sinh viên & học viên cao học | PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Khang |
| 168 | Ứng dụng công nghệ 4.0 cho sản xuất rau. | Khái niệm và xuất xứ của nông nghiệp 4.0 Thành phần chủ yếu của nông nghiệp 4.0 Ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất rau | 9/2018 | Khoa NN&SHUD | 40 | Cán bộ và Sinh viên | PGS.TS Trần Thị Ba |
| 169 | Trồng cây dược liệu và hương liệu – vũ khí xanh chống lại sự ô nhiễm kim loại nặng. | Kim loại nặng và một số phương pháp giảm kim loại nặng trong đất. Tiềm năng về khả năng khử kim loại nặng của cây dược liệu và hương liệu. Một số kết quả nghiên cứu về khả năng khử kim loại nặng của cây dược liệu và hương liệu. | 12/2018 | Khoa NN&SHUD | 30 | Cán bộ và Sinh viên | Th.S Bùi Thị Cẩm Hường |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|------------------------|
| 170 | Cải thiện sản xuất cây trồng. | Giới thiệu về sản xuất cây trồng thông minh. Giới thiệu về sản xuất cây trồng sạch Kết luận và đề xuất | 12/2018 | Khoa NN và SHUD | 40 | Cán bộ và Sinh viên | TS. Nguyễn Thành Hồi |
| 171 | Vai trò của vi lượng và chất điều hòa sinh trưởng lên đậu hoa và trái trên cây mè (Sesamum indicum L.). | Cây mè, luân canh trên nền đất lúa ở DBSCL Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh cho cây mè Những yếu tố chính làm rụng hoa rụng trái non trên mè. Khắc phục hiện tượng rụng hoa trái non trên mè thông qua bổ sung vi lượng và chất điều hòa sinh trưởng. Báo cáo kết quả của một số nghiên cứu liên quan. | 12/2018 | Khoa NN và SHUD | 50 | Cán bộ và Sinh viên | PGS.TS Lê Vĩnh Thúc |
| 172 | Ứng dụng một số mô hình trồng rau đô thị | Vấn đề phát triển nông nghiệp sạch ở đô thị trên thế giới và Việt Nam Những thuận lợi và khó khăn của trồng rau đô thị. Một số kết quả ứng dụng trồng rau đô thị. Xây dựng, đánh giá và hoàn thiện mô hình trồng rau đô thị có triển vọng | 9/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Cán bộ và Sinh viên | Th.S Võ Thị Bích Thủy |
| 173 | Giới thiệu phần mềm R xử lý thống kê số liệu nghiên cứu khoa học. | Giới thiệu các tính năng ưu việt của phần mềm R (mã nguồn mở) được sử dụng trong phân tích thống kê số liệu nghiên cứu khoa học | 12/2018 | Khoa NN và SHUD | 50 | Cán bộ và Sinh viên | PGS.TS. Lê Thanh Phong |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|-----------------------|
| 174 | Biểu hiện suy thoái đất liếp vườn cây ăn trái ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. | Qua khảo sát thực tế cho thấy đất liếp vườn cay an trai sau năm đã có biểu hiện suy thoái như sau: Chất hữu cơ trong đất giảm Đất bị nén dẽ Lớp đất mặt bị rửa trôi Đất có pH thấp và cạn dần dưỡng chất Nấm bệnh trong đất gây hại mạnh hơn Để làm chậm tiến trình suy thoái này để duy trì năng suất và phẩm chất cây trồng, một số biện pháp sau cần được áp dụng: Bón phân hữu cơ cho đất liếp Quản lý tốt cỏ trong vườn Nuôi dưỡng trùn đất Áp dụng biện pháp tưới nhỏ giọt Bón vôi cho đất Bồi bùn mương cho đất liếp | Quí IV Năm 2018 | Khoa NN và SHUD | 100 | Cán bộ và Sinh viên | GS TS Nguyễn Bảo Vệ |
| 175 | Tình hình nghiên cứu bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà ở Việt Nam và thế giới | Khái quát tình hình và hậu quả gây ra do bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà ở Việt Nam. Tổng quan về tình hình nghiên cứu bệnh viêm phế quản trong và ngoài nước. | 8/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Cán bộ và Sinh viên | Nguyễn Phúc Khánh |
| 176 | Thực trạng sử dụng thuốc an thần, thuốc mê trong giết mổ gia súc và những hệ lụy của nó đối với sức khỏe người tiêu dùng | Đề cập tới Thực trạng sử dụng thuốc an thần, thuốc mê trong giết mổ gia súc và những hệ lụy của nó đối với sức khỏe người tiêu dùng | 9/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành Chăn nuôi và thú y | Phạm Hoàng Dũng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 177 | Miễn dịch do tiêm phòng vaccine | - Những thành phần chính kinh thích đáp ứng với vaccine - Đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm vaccine | 10/2018 | 103/Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành dược thú y, thú y, chăn nuôi thú y và cán bộ có quan tâm. | Huỳnh Ngọc Trang |
| 178 | Kết quả thử nghiệm hoạt tính kháng khuẩn của dịch chiết cù hành tím trên <i>Escherichia coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng phân lập từ gà ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long | - Kết quả khảo sát tính nhạy cảm của <i>Escherichia coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng đối với kháng sinh. - Kết quả xác định nồng độ ức chế tối thiểu của dịch chiết cù hành tím trên <i>Escherichia coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng. | 10/2018 | 102/Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành dược thú y, thú y, chăn nuôi thú y và cán bộ có quan tâm. | Bùi Thị Lê Minh |
| 179 | Sự hiện diện của vi khuẩn <i>E.coli</i> K88, K99, 987P trong phân heo khỏe tại Tiền Giang | <i>E.coli</i> K88, K99, 987P là bệnh nguyên gây tiêu chảy đặc biệt trên thú non như heo con, bê... Sự hiện diện của chúng ở phân heo khỏe là một kết quả đáng quan tâm, vì đây có thể là nguồn vi khuẩn gây bệnh cho heo trong trại hoặc là nguồn vẩy nhiễm mầm bệnh cho môi trường nếu không được xử lý kỹ | 01/09/2018 | 206/Khoa NN và SHUD | 40 | Sinh viên và học viên cao học ngành thú y và dược thú y | Nguyễn Thu Tâm |
| 180 | Khảo sát tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng trên chó bị tiêu chảy | - Tỷ lệ chó bị tiêu chảy. - Tỷ lệ chó bị nhiễm ký sinh trùng theo tuổi, giống, giới tính và phương thức nuôi. - Hiệu quả điều trị. | 11/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên và học viên cao học ngành thú y và dược thú y | Nguyễn Thị Bé Mười |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 181 | Đặc điểm bệnh lý của bệnh <i>E. coli</i> trên vịt và bản đồ dịch tễ bệnh ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long | - Đặc điểm bệnh lý của bệnh <i>E. coli</i> trên vịt ở DBSCL - Phân bố bệnh trên một số địa phương ở DBSCL. | 10/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành dược thú y, thú y, chăn nuôi thú y và cán bộ có quan tâm. | Hồ Thị Việt Thu |
| 182 | Bệnh nấm trên gia cầm và các bệnh nấm từ gia cầm lây sang người. | Giới thiệu nấm gây bệnh trên gia cầm Các bệnh nấm thường gặp trên gia cầm Các bệnh nấm thường gặp trên gia cầm lây sang người Phương pháp chẩn đoán xác định bệnh. Phòng và điều trị bệnh | 9/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành dược thú y, thú y, chăn nuôi thú y và cao học thú y | Lý Thị Liên Khai |
| 183 | Khảo sát một số chỉ tiêu lý hóa, vi sinh và đánh giá chất lượng nước thải - nước sinh hoạt từ cơ sở giết mổ gia súc tập trung, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh" | Đánh giá chất lượng nước thải và nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y Tế | 10/2018 | Khoa NN và SHUD | 40 | Sinh viên ngành thú y | Trần Ngọc Bích |
| 184 | Giun sán ký sinh ở chuột đồng và những bệnh giun sán ở chuột đồng có khả năng truyền bệnh sang người | Các loài ký sinh ở chuột đồng có sự truyền lây cho vật nuôi đặc biệt nhất là truyền lây sang con người là mục tiêu cấp thiết để đề ra biện pháp phòng chống. | 10/2018 | Khoa NN và SHUD | 30 | Sinh viên ngành dược thú y, thú y, chăn nuôi thú y và cao học thú y | Nguyễn Hữu Hưng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---|------------------|---|-----------------------|
| 185 | Mycotoxin trong thức ăn gia súc: tình hình nhiễm và tác hại đến năng suất vật nuôi | - Hiện trạng vẩy nhiễm trong thức ăn gia súc, - Mức độ tác hại đến năng suất và chất lượng sản phẩm động vật. - Các giải pháp khắc phục. | 10/2018 | Khoa NN và SHUD | 40 | Sinh viên, học viên và giảng viên ngành thú y | Lưu Hữu Mạnh |
| 186 | Chuẩn hóa phương pháp thu mẫu thực vật và đất cho phân tích dinh dưỡng cây trồng và đánh giá độ phì nhiêu của đất | - Báo cáo sẽ giới thiệu tổng quan về dinh dưỡng và phân tích cây trồng và lí do cần phải chuẩn hóa phương pháp thu mẫu đất, cây cho phân tích; nguyên tắc thu và xử lý mẫu thực vật, các bước tiến hành và các vấn đề cần lưu ý. - Hướng dẫn thu mẫu lá cho đánh giá dinh dưỡng và hiệu chỉnh chế độ bón phân: thu mẫu nhóm cây hòa bản, thu mẫu nhóm cây rau cải, hoa màu, thu mẫu lá cho phân tích dinh dưỡng cây ăn trái, lúa. - Chuẩn hóa phương pháp thu và xử lý mẫu đất cho đánh giá độ phì và tiềm năng đất đai | 15/11/2018 | Phòng PC002, Bộ môn Khoa học Đất, Khoa NN và SHUD | 5-30 người | Sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu viên và sinh viên các ngành nông nghiệp | Ts. Nguyễn Minh Đông |
| 187 | Đặc điểm thổ nhưỡng và sử dụng phân bón cho bắp lai trên đất phù sa bao đê và không bao đê ở An Phú, An Giang. | i. Giới thiệu đặc tính thổ nhưỡng của đất phù sa bao đê và không bao đê. ii. Dinh dưỡng khoáng N, P, K, Ca và Mg và so sánh phương pháp xác định công thức phân bón cho bắp lai ở An Phú – An Giang. | 10/2018 | Hội trường Khoa NN và SHUD | 50 người | Cán bộ nghiên cứu và sinh viên, học viên chuyên ngành Khoa học đất, Khoa học cây trồng, Tài nguyên đất và môi trường. | Gs. Ngô Ngọc Hung |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|----------------------------|------------------|---|------------------------|
| 188 | Ứng dụng đặc tính nước ước đoán trong xác định nhu cầu tưới của cây trồng | Giới thiệu một số phương pháp hồi quy thường dùng để ước đoán đặc tính nước (đường cong pF) và tính chính xác của các phương pháp này, giới thiệu về mô hình AquaCrop trong mô phỏng nhu cầu tưới của cây trồng, Ứng dụng số liệu ước đoán về đặc tính nước trong xác định nhu cầu tưới của cây trồng sử dụng mô hình AquaCrop, So sánh kết quả mô phỏng sử dụng số liệu đường cong pF đo thực tế và số liệu ước đoán | 12/2018 | Khoa NN và SHUD | 5-30 người | Sinh viên, học viên cao học và cán bộ có quan tâm | Ts. Nguyễn Minh Phượng |
| 189 | Đánh giá độ bền cấu trúc, mức độ đóng váng, kết cứng bề mặt của đất thâm canh rau màu ở Đồng bằng sông Cửu Long | Báo cáo trình bày kết quả phân tích về độ bền cấu trúc mức độ đóng váng, kết cứng của đất thâm canh rau màu ở DBSCL với các nội dung chính như sau: - Độ bền cấu trúc của các nhóm đất thâm canh rau màu khác nhau ở DBSCL, - Khả năng đóng váng, kết cứng của đất thâm canh rau màu với lượng mưa và kỹ thuật canh tác khác nhau, - Tương quan giữa độ bền cấu trúc, mức độ đóng váng, kết cứng của đất thâm canh rau màu và biện pháp làm tăng độ bền cấu trúc đất, ngăn ngừa đóng váng | 10/09/2018 | Hội trường Khoa NN và SHUD | 50 người | Cán bộ nghiên cứu và sinh viên, học viên chuyên ngành Khoa học đất, Khoa học cây trồng, Tài nguyên đất và môi trường. | Ts. Trần Bá Linh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 190 | “Nghiên cứu học thuyết “Vành đai, con đường của Đảng cộng sản Trung Quốc” | Học thuyết “Vành đai, và Con đường” (One Belt, One Road - OBOR) lần đầu được gọi tên năm 2013 bởi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, được kỳ vọng sẽ tạo ra những liên kết và cơ hội kinh doanh mới cho Trung Quốc. Sau hơn 3 năm, kế hoạch này trở thành một trong những tầm nhìn không chỉ về kinh tế mà còn bao hàm nhiều ý nghĩa chính trị, ngoại giao đầy tham vọng của chính quyền Bắc Kinh. Đây cũng được đánh giá là nhiệm vụ "trọng tâm của trọng tâm" của các lãnh đạo tại quốc gia đông dân nhất thế giới, đồng thời nhận được sự quan tâm đặc biệt từ cộng đồng quốc tế. Bản chất của sáng kiến này là các dự án cơ sở hạ tầng nhằm kết nối các nước với Trung Quốc, được chia thành hai phần chính là Vành đai kinh tế (Con đường tơ lụa trên bộ) và Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Trần Văn Hiếu |
| 191 | “Nghiên cứu tư tưởng chính trị của Tập Cận Bình” | Gần đây, trên sách báo Trung Quốc và các phương tiện thông tin đại chúng bàn nhiều về tư tưởng chính trị của Tập Cận Bình. Thậm chí tư tưởng chính trị của Tập Cận Bình sẽ được đưa vào Điều lệ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, gắn tên ông Tập và triết lý chính trị của ông ngang hàng với những nhà lãnh đạo tiền bối Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Trần Văn Hiếu |
| 192 | Cách mạng Công nghiệp 4.0 với công tác giáo dục tư tưởng chính trị ở Việt Nam hiện nay. | Nghiên cứu tác động CMCN 4.0 với công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Từ đó đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng nhằm nâng cao hiệu quả công tác trên trong tình hình mới | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Phan Thị Phương Anh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 193 | Luật an ninh mạng – Tác dụng và tồn tại. | Nghiên cứu về Luật an ninh mạng, đánh giá tác dụng cũng như những tồn tại của Luật an ninh mạng của Việt Nam hiện nay. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Phan Thị Phương Anh |
| 194 | ASEAN – Tổ chức liên kết | Bài viết phân tích xu thế hòa bình hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới có nhiều căng thẳng. Sự ra đời của ASEAN và chứng minh đây là tổ chức liên kết khu vực và quốc tế vì mục tiêu hòa bình độc lập và phát triển. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Đinh Thị Chinh |
| 195 | Lợi ích quốc gia trong quan hệ chính trị quốc tế | Bài viết làm rõ khái niệm, đặc điểm, phân loại lợi ích quốc gia. Trên cơ sở đó trình bày lợi ích quốc gia của một số nước, Đặt biệt, bài viết cũng tập trung làm rõ lợi ích quốc gia mà Việt Nam xác định trong quan hệ chính trị quốc tế. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Thị Thúy Lựu |
| 196 | Tư tưởng chính trị của Lê Quý Đôn | Bài viết tập trung làm rõ những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản của Lê Quý Đôn. Trên cơ sở đó làm rõ giá trị tư tưởng của ông đối với lịch sử và giai đoạn hiện nay | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Thị Thúy Lựu |
| 197 | Thực trạng đánh giá kết quả học tập các học phần lý luận chính trị ở Trường Đại học Cần Thơ trong thời gian qua. | Trên cơ sở kết quả điều tra xã hội học, báo cáo trình bày về thực trạng việc đánh giá các học phần lý luận chính trị ở Trường Đại học Cần Thơ trong thời gian qua. Từ đó có những đề xuất giải pháp cho việc nâng cao tính phù hợp và hiệu quả của việc đánh giá kết quả học tập các học phần lý luận chính trị trong thời gian tới. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Lê Thị Út Thanh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 198 | Các phương thức tuyên truyền hiện nay | Báo cáo trình bày những phương thức tuyên truyền trước những diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước hiện nay. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Lê Thị Út Thanh |
| 199 | Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng-nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (8/1945). | Báo cáo làm rõ vai trò quyết định của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong quá trình đấu tranh giành chính quyền 1930-1945, nhất là trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Lê Thị Út Thanh |
| 200 | Liên kết vùng trong sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long | Bài viết này sẽ tập trung phân tích thực trạng liên kết vùng trong sản xuất nông nghiệp ở DBSCL trong thời gian qua, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm gia tăng tính hiệu quả của quá trình liên kết trong sản xuất nông nghiệp ở giai đoạn tiếp theo. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Võ Hữu Ngọc |
| 201 | Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long trước những tác động của biến đổi khí hậu | Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chau thổ trù phú đa dạng sinh thái với nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là lúa gạo, cây ăn trái và thủy sản. Thời gian qua, nông nghiệp vùng này đã đóng góp quan trọng cho sự phát của vùng nói riêng, cả nước nói chung. Tuy nhiên, Đồng bằng sông Cửu Long và nông nghiệp vùng này cũng đã, đang và sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu khôn lường. Những khó khăn, thách thức này cần phải được nhận diện đầy đủ, chủ động ngăn ngừa, khắc phục với những giải pháp phù hợp để nông nghiệp vùng này tiếp tục phát triển theo hướng hiệu quả cao, bền vững. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Võ Hữu Ngọc |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 202 | Giai cấp công nhân Việt Nam với cách mạng công nghiệp lần thứ 4 | Bài viết phân tích vai trò, thách thức và những vấn đề đặt của giai cấp công nhân Việt Nam với cách mạng công nghiệp lần thứ 4. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Phan Văn Thượng |
| 203 | Vận dụng những nhận thức mới của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vào giảng dạy học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | Đề tài phân tích rõ những nhận thức mới từ đại hội VI đến đại hội XII của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở đó làm rõ sự vận dụng những quan điểm mới của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào quá trình giảng dạy học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ở Trường Đại học Cần Thơ | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Đinh Ngọc Quyên |
| 204 | Phân tích về bất bình đẳng: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam | Bài viết phân tích những hạn chế của phương pháp phân tích thông thường về bất bình đẳng và đưa ra khung lý thuyết mới cho phân tích. Bên cạnh đó, bài viết sẽ đưa ra những đánh giá thực tiễn sự tác động của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo đến bất bình đẳng, tỷ lệ nghèo ở Việt Nam. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Phan Văn Phúc |
| 205 | Một vài nhận định về tác phẩm “Tư bản trong thế kỷ 21” của Thomas Piketty. | Bài viết giới thiệu và bình luận về nội dung quyển sách “Tư bản trong thế kỷ 21” | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Phan Văn Phúc |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 206 | Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay | Bài viết phân tích nội dung triết lý giáo dục Hồ Chí Minh như: vị trí, vai trò, mục tiêu, phương pháp giáo dục và vai trò của người thầy. Ý nghĩa của triết lý giáo dục đối với Đảng và Nhà nước trong việc chấn hưng nền giáo dục nước nhà hiện nay. Đặc biệt, gánh trách nhiệm của giáo dục đại học với việc đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời đại cách mạng 4.0 | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Hồ Thị Hà |
| 207 | Tư tưởng cải cách Hồ Quý Ly về giáo dục và giá trị lịch sử đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục hiện nay ở nước ta. | Bài viết phân tích nội dung tư tưởng cải cách của Hồ Quý Ly về giáo dục, từ đó đánh giá, nhận định về bài học, giá trị lịch sử của quan điểm trên đối công cuộc đổi mới giáo dục của nước ta hiện nay. | 11/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 30 | Cán bộ và sinh viên | Hồ Thị Hà |
| 208 | Gia trị đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh với CMVN | Khái quát những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đoàn kết và quá trình vận dụng của Đảng ta. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 20 | Cán bộ và sinh viên | Phạm Văn Búa |
| 209 | Thực hành dân chủ - chìa khóa vạn năng | Những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ và quá trình thực hành dân chủ. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 20 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Thị Kim Chi |
| 210 | Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục | Báo cáo trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nền giáo dục; về vai trò và nhiệm vụ của người thầy; về nhiệm vụ của người học; và những giải pháp phát triển nền giáo dục. Qua đó, tác giả rút ra nhiều bài học kinh nghiệm cho ngành giáo dục Việt Nam. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 20 | Cán bộ và sinh viên | Lê Thị Thúy Hương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------------|
| 211 | Dạy học theo phát triển năng lực, giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn giáo dục công dân | Trình bày quá trình dạy học theo phát triển năng lực cho học sinh. Từ đó nêu các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn giáo dục công dân. | 12/2018 | Phòng họp Khoa KHCT | 20 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Ngọc Cẩn |
| 212 | Kỹ năng thông tin trong thời đại số | Trong bối cảnh thời đại số ngày nay, kỹ năng thông tin của một cá nhân đòi hỏi cần phải cập nhật thêm các kỹ năng mới để phù hợp hơn. Bài báo cáo tập hợp những phân tích so sánh về những điểm tương đồng và khác biệt giữa kỹ năng thông tin cơ bản và kỹ năng thông tin đặt trong bối cảnh số. Thông qua việc phân tích, cán bộ thư viện sẽ có cái nhìn tổng quan và mới mẻ hơn nhằm giúp bạn đọc và cộng đồng nghiên cứu có định hướng tốt hơn về việc rèn luyện, nâng cao các kỹ năng để theo kịp sự phát triển chung của thế giới. | 11/2018 | TTHL | 20 | Viên chức TTHL | Nguyễn Đăng Khoa |
| 213 | Ứng dụng Probiotic trong thức ăn tự nhiên | Phân tích ảnh hưởng tích cực của ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong nuôi thức ăn tự nhiên (Luân trùng và Artemia) | 8/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS Phạm Thị Tuyết Ngân |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|---------------------------|
| 214 | Ứng dụng kỹ thuật Metagenomics và Metabolomics trong nghiên cứu cơ chế tác động của probiotic trong nuôi trồng thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về cơ chế tác động (mechanisms of action) của probiotic - Những điểm mạnh/yếu của kỹ thuật công nghệ cao như NGS (next generation sequencing) và NMR (Nuclear Magnetic Resonance) trong nghiên cứu probiotic - Những kết quả đạt được, những định hướng trong nghiên cứu cơ chế của probiotic tác động lên thủy sản. | 8/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | TS. Huỳnh Trường Giang |
| 215 | Lợi ích của việc sử dụng chế phẩm sinh học trong ương nuôi tôm thẻ chân trắng | <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của liều lượng sử dụng của chế phẩm sinh học lên tăng trưởng của tôm thẻ giống - Ảnh hưởng liều lượng sử dụng của chế phẩm sinh học lên mạt số Vibrio | 8/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | TS. Huỳnh Thanh Tới |
| 216 | Các biện pháp thu hoạch và hiệu quả sử dụng SCD từ rong biển làm thức ăn cho giáp xác và động vật thân mềm ăn lọc | A. Giới thiệu về SCD (single cell detritous, dạng tế bào đơn được phân mảnh từ rong biển). B. Tổng quan các nghiên cứu về SCD trên thế giới. C. Kết quả thu hoạch và hiệu quả làm thức ăn cho giáp xác và động vật thân mềm ăn lọc | 9/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Ngô Thị Thu Thảo |
| 217 | Ảnh hưởng của phương pháp thu hoạch lén năng suất sinh khối <i>Artemia</i> nuôi trên bể và các tác nhân ảnh hưởng. 2.Ảnh hưởng của phương pháp thu hoạch lén năng suất sinh khối <i>Artemia franciscana</i> Vĩnh Châu. 3. Khả năng ứng dụng từ kết quả thí nghiệm | Một số nét chính về nuôi <i>Artemia</i> thu sinh khối trên bể và các tác nhân ảnh hưởng. 2.Ảnh hưởng của phương pháp thu hoạch lén năng suất sinh khối <i>Artemia franciscana</i> Vĩnh Châu. 3. Khả năng ứng dụng từ kết quả thí nghiệm | 9/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|----------------------------|
| 218 | Nghiên cứu thay thế protein bột cá bằng protein rong xanh (<i>Cladophora sp.</i>) trong thức ăn cho tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) và tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) | (1) Tổng quan các mô nghiên cứu sử dụng rong biển làm nguồn protein trong thức ăn cho tôm, cá.(2) Ảnh hưởng của thay thế protein bột cá bằng protein rong xanh (<i>Cladophora sp.</i>) trong thức ăn lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn cho tôm sú (<i>P. monodon</i>). (3) Ảnh hưởng của thay thế protein bột cá bằng protein rong xanh (<i>Cladophora sp.</i>) trong thức ăn lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn cho tôm thẻ chân trắng | 9/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | PGS.TS.Nguyễn Thị Ngọc Anh |
| 219 | Bệnh ký sinh trùng ở cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) và giải pháp phòng trị chúng | (1) Giới thiệu một số bệnh ký sinh trùng phổ biến trên cá tra; (2) Đặc điểm hình thái và phân loại ký sinh trùng; (3) Các giải pháp phòng trị bệnh do ký sinh trùng trên cá tra. | 9/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | TS.Nguyễn Thị Thu Hằng |
| 220 | Ứng dụng của biosensor trong chẩn đoán bệnh tôm | Nguyên lý và ứng dụng của biosensor trong chẩn đoán bệnh tôm | 9/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | TS.Trần Thị Mỹ Duyên |
| 221 | Nghiên cứu ương giống cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) trong hệ thống biofloc | 1. Ảnh hưởng của tỉ lệ C:N khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu giống. 2. Ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung rỉ đường lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu giống . 3. Ảnh hưởng của mật độ đén tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu giống trong hệ thống Biofloc trong hệ thống Biofloc | 10/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | TS. Lý Văn Khánh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|--|----------------------------|
| 222 | Ương áu trùng cua biển với các hình thức khác nhau | 1. Ương áu trùng cua biển với các mật độ khác nhau. 2. Ương áu trùng cua biển với thức ăn khác nhau | 10/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | PGS. TS. Lê Quốc Việt |
| 223 | Nghiên cứu vi nấm nhiễm trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thảm canh | Giới thiệu thành phần, đặc điểm vi nấm nhiễm trên cá lóc nuôi thảm canh và một số phương pháp phòng trị bệnh do vi nấm. | 10/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | TS.Đặng Thụy Mai Thy |
| 224 | Khảo sát tính kháng thuốc kháng sinh nhóm beta-lactam của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập trên cá | Giới thiệu về nhóm vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> sinh men beta-lactam; thông tin về khả năng kháng thuốc nhóm beta-lactam của vi khuẩn <i>E.coli</i> phân lập trên cá vùng đồng bằng sông Cửu Long | 10/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTs | PGS. TS.Trần Thị Tuyệt Hoa |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|-------------------------|
| 225 | Đánh giá thể chế mối liên kết của chuỗi giá trị tôm giữa người nuôi tôm quy mô nhỏ với các công ty tư nhân trong chuỗi cung cấp tôm nhằm thúc đẩy nuôi tôm trách nhiệm tại Việt Nam | (1) Một mô tả hệ thống, xác lập sơ đồ và tổng kết tài liệu về tổ chức liên kết của chuỗi giá trị (của dự án) (ví dụ hợp đồng sản xuất, hợp đồng bán hàng, quản lý tín dụng ...) để thu hút khu vực tư nhân (nhà cung cấp đầu vào, thương nhân, nhà chế biến, người mua) để thúc đẩy thực hành sản xuất bền vững cho trại nuôi tôm quy mô nhỏ.(2) Đưa ra các tiềm năng và hạn chế của các hình thức tổ chức liên kết khác nhau về khả năng tham gia vào các kết quả và mục tiêu của “Hiệp định khung Danida và Chương trình Cải thiện Nuôi trồng Thủy sản” và tiềm năng nhân rộng và nâng cao. (3) Trình bày và thảo luận các gợi ý chiến lược, cách tiếp cận và cơ hội trong tương lai để tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân, nhằm nhân rộng tác động tích cực về xã hội, môi trường và kinh tế đối với những người nuôi tôm nhỏ ở Việt Nam. | 11/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Võ Nam Sơn |
| 226 | : Nghiên cứu ương áu trùng tôm sú theo công nghệ biofloc với thời điểm và chu kỳ bồi sung ri đeggies khác nhau | 1. Nghiên cứu ương áu trùng tôm sú theo công nghệ biofloc với thời điểm bồi sung rì đeggies khác nhau . 2. Nghiên cứu ương áu trùng tôm sú theo công nghệ biofloc với chu kỳ bồi sung rì đeggies khác nhau | 11/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Châu Tài Tảo |
| 227 | Ứng dụng sinh khối Artemia trong nuôi trồng thủy sản | 1. Sinh khối và giá trị dinh dưỡng của sinh khối Artemia 2. Ứng dụng sinh khối Artemia trong nuôi trồng thủy sản | 11/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Nguyễn Văn Hòa |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------------|
| 228 | Chitosan và những ứng dụng trong thủy sản | Mô tả tóm tắt nguồn gốc, cấu trúc và vai trò của Chitosan ứng dụng trong lĩnh vực thủy sản | 11/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | TS. Bùi Thị Bích Hằng |
| 229 | Ảnh hưởng của CO ₂ trong nước lên sự phát triển phôi và tăng trưởng của cá tra | -D26+D29Ảnh hưởng của các mức CO ₂ khác nhau lên sự phát triển phôi của cá tra -Ảnh hưởng của các mức CO ₂ khác nhau lên tăng trưởng của cá tra | 11/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|--|--------------------------|
| 230 | Vai trò của thức ăn tự nhiên trong giai đoạn đầu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) và ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống | <p>Thành phần và mức độ phong phú của thức ăn tự nhiên trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng và ao ương cá tra giống được bón sản phẩm thương mại giai đoạn 10-20 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần thức ăn tự nhiên trong ống tiêu hóa của tôm thẻ chân trắng và cá tra bột ở giai đoạn 10 ngày đầu. - Sự lựa chọn thức ăn tự nhiên của tôm thẻ chân trắng và cá tra bột. - Tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng và cá tra bột trong các ao gây nuôi thức ăn tự nhiên. - Hiệu quả của việc bón phân gây nuôi thức ăn tự nhiên | 12/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS Vũ Ngọc Út |
| 231 | Tảo khuê bám và ứng dụng trong quan trắc sinh học | <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần của tảo khuê bám ở các hệ sinh thái khác nhau - Ứng dụng của tảo khuê bám trong quan trắc sinh học | 12/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | TS. Nguyễn Thị Kim Liên |
| 232 | Phát triển bền vững mô hình canh tác lúa – tôm trên nền đất lúa nhiễm mặn và phèn ở vùng bán đảo Cà Mau | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá thực trạng sản xuất, những thuận lợi, khó khăn. - Giải pháp phát triển bền vững mô hình canh tác lúa – tôm trong vùng - Bài toán hiệu quả và sự phát triển bền vững. | 12/2018 | Hội trường KTS | 20 | Giảng viên, NCV, NCS, Học viên cao học, sinh viên ngành NTTS | PGS. TS. Dương Nhựt Long |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|-------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------------|
| 233 | Các lỗi thường gặp trong quá trình thực hiện luận văn, luận án. | Giới thiệu về một số sai sót khi thực hiện đề tài nghiên cứu và lỗi khi viết luận văn, luận án. | 8/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 50 | Học viên cao học và sinh viên | TS. Đỗ Tân Khang |
| 234 | Giới thiệu về vai trò sinh học và tiềm năng ứng dụng của lysozyme | - Tông quan về lysozyme. - Đặc tính của lysozyme. - Tiềm năng ứng dụng của lysozyme trong thực phẩm, y dược và CNSH | 11/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 30 - 50 | sinh viên | TS. Võ Văn Song Toàn |
| 235 | Tối ưu hóa điều kiện lên men ethanol từ dịch thủy phân phụ phẩm khóm sử dụng nấm men chịu nhiệt <i>Pichia kudriazevii</i> CM4.2 | Thông tin về các thử nghiệm xác định các điều kiện lên men như tốc độ lắc, loại và nồng độ nitrogen bổ sung. Xác định các nhân tố tác động đến khả năng lên men dịch thủy phân vỏ khóm của nấm men chịu nhiệt <i>Pichia kudriazevii</i> CM4.2 | 8/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 20-30 | Cán bộ, sinh viên, học viên | Ths. Huỳnh Xuân Phong |
| 236 | Phân lập và tuyển chọn vi sinh vật có đặc tính probiotic cao từ một số cây địa phương | Trình bày các nghiên cứu về đặc tính của probiotic như chịu pH, kháng khuẩn,...của vi sinh vật được phân lập từ cây địa phương. | 8/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 30 | Cán bộ, sinh viên, học viên | TS. Huỳnh Ngọc Thanh Tâm |
| 237 | Liệu pháp thể thực khuẩn trong việc điều trị vi khuẩn kháng thuốc | Tổng quan về các liệu pháp sử dụng thực khuẩn để điều trị bệnh do vi khuẩn | 19/11/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 50 | Cán bộ, sinh viên, học viên | TS. Trương Thị Bích Vân |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|-------------------------------|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 238 | Vi khuẩn nội sinh cây dược liệu: nguồn kháng sinh mới | Vi khuẩn nội sinh ở cây dược liệu: phương pháp phân lập, các đặc tính sinh hóa khác như khả năng cố định đạm, hòa tan lân, tổng hợp IAA, phương pháp xác định tính kháng khuẩn, tìm năng ứng dụng vi khuẩn nội sinh trong cây dược liệu | 11/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 40 | sinh viên và học viên | PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiệp |
| 239 | Ứng dụng vi sinh vật chịu nhiệt hữu ích trong lên men ethanol, acid lactic và acid acetic | phân lập, thử nghiệm khả năng chịu nhiệt, hoạt tính lên men và tuyển chọn các chủng vi sinh vật hữu ích có tính chịu nhiệt, khảo sát ứng dụng các chủng vi sinh vật chịu nhiệt tuyển chọn này trong lên men ethanol, acid lactic và acid acetic | 10/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 20-30 | Cán bộ, sinh viên, học viên | PGS.TS. Ngô Thị Phương Dung |
| 240 | Giới thiệu tổng quan và một số nguyên tắc cơ bản trong quá trình chuẩn bị viết bài báo | giới thiệu tổng quan về những điểm cần lưu ý trong việc chuẩn bị viết bài báo khoa học toàn văn; một số nguyên tắc cơ bản khi viết những nội dung chính của bài báo | 12/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 20-30 | Cán bộ, sinh viên, học viên | PGS.TS. Ngô Thị Phương Dung |
| 241 | Hợp chất kháng cỏ ở thực vật. | Giới thiệu về các hợp chất có khả năng ức chế cỏ được phân tách từ thực vật | 12/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 50 | Cán bộ, sinh viên, học viên | TS. Đỗ Tấn Khang |
| 242 | Tính Kháng Thuốc Trừ Cỏ Của Chi Lồng Vực (<i>Echinochloa</i>) | các loài cỏ lồng vực chính trên ruộng lúa, sự đa dạng di truyền của cỏ lồng vực, cơ chế kháng thuốc diệt cỏ, Các giải pháp liên quan đến việc hạn chế tính kháng thuốc trừ cỏ | 10/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 30 | Cán bộ, sinh viên, học viên | PGS.TS. Nguyễn Minh Chon |
| 243 | Liệu pháp tế bào gốc trung mô trong điều trị bóng da | Giới thiệu tế bào gốc trung mô, cơ chế của quá trình hình thành vết thương và vai trò ứng dụng một số loại tế bào gốc trung mô lên quá trình liền sẹo | 11/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 30 | Cán bộ, sinh viên | TS. Trần Thị Thanh Khương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|-------------------------------|------------------|-----------------------------|---|
| 244 | Kinh nghiệm an toàn sinh học ở Nhật Bản | Kinh nghiệm quản lý, và vận hành đảm bảo an toàn sinh học ở các phòng thí nghiệm tại Nhật Bản, các cấp độ an toàn sinh học. | 9/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 50 | Cán bộ, sinh viên, học viên | TS. Nguyễn Phạm Anh Thi |
| 245 | Sự tiến hóa của bộ gen lục lạp ở cây một lá mầm | Giới thiệu về bộ gen lục lạp và sự tiến hóa bộ gen giữa các họ trong cây một lá mầm. cơ chế diệt trừ cỏ chính của các loại thuốc trừ cỏ hiện nay, Các giải pháp liên quan đến việc hạn chế tính kháng thuốc trừ cỏ | 9/2018 | Phòng 106 Viện CN sinh Học | 50 | Cán bộ, sinh viên, học viên | TS. Nguyễn Phạm Anh Thi |
| 246 | Bước vào ngưỡng cửa ngành luật | - Giới thiệu về phương pháp học tập và nghiên cứu luật. - Giới thiệu về kỹ năng cần rèn luyện trong thời gian học cử nhân luật. - Trang bị khả năng tư duy cần thiết trước khi tốt nghiệp ra trường. | 10/2018 | 107/C1 | 300 | sinh viên | Phan Trung Hiền Bộ môn Luật Hành chính - Khoa Luật |
| 247 | Tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt (đặc khu) | - Trình bày mô hình tổ chức chính quyền ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. - Phân tích những điểm mới/ khác biệt giữa tổ chức chính quyền ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt so với các đơn vị hành chính khác. - Phân tích những hạn chế và kiến nghị hoàn thiện tổ chức chính quyền ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. | 10/2018 | 306/C1 | 60 | sinh viên | Nguyễn Nam Phương Bộ môn Luật Hành chính - Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------|---|
| 248 | Một số bất cập của quy định pháp luật về chức danh Giám đốc sở | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tổng thể các quy định hiện nay về chức danh Giám đốc sở (Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Phân tích, đánh giá những hạn chế, vướng mắc hiện nay; Thực trạng áp dụng quy định này tại một số địa phương. - Kiến nghị hoàn chỉnh các quy định pháp luật về chức danh Giám đốc sở. | 10/2018 | HT/KL | 50 | sinh viên | Võ Nguyễn Nam Trung Bộ môn Luật Hành chính - Khoa Luật |
| 249 | Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát trong việc đảm bảo quyền con người | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái quát về Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát trong việc đảm bảo quyền con người như khái niệm, vai trò và ý nghĩa trong việc đảm bảo quyền con người trên thế giới. - Trình bày về việc thực hiện cơ chế này ở Việt Nam và một số khó khăn, giải pháp cho việc đảm bảo hiệu quả của cơ chế này khi thực hiện ở nước ta. | 11/2018 | 105/C2 | 50 | Sinh viên và giảng viên | Nguyễn Lan Hương Phòng Thanh tra - Pháp chế |
| 250 | Các trường hợp áp dụng cơ chế thỏa thuận sử dụng đất giữa nhà đầu tư và người sử dụng đất theo pháp luật đất đai | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến chế định thỏa thuận sử dụng đất giữa nhà đầu tư và người đang sử dụng đất. - Phân tích những điểm phù hợp và chưa phù hợp của quy định. - Đánh giá và kiến nghị. | 10/2018 | HT/KL | 40 | Sinh viên | Trần Vang Phủ Bộ môn Luật Hành chính - Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---|--|
| 251 | Kỳ họp của Quốc hội - Quy định, bất cập và giải pháp | Tìm hiểu các quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội về kỳ họp của Quốc hội; Phân tích những bất cập trong quy định và thực tế về kỳ họp của Quốc hội; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các kỳ họp của Quốc hội. | 9/2018 | HT/KL | 50 | Sinh viên và giảng viên | Đinh Thanh Phương Bộ môn Luật Hành chính - Khoa Luật |
| 252 | Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án | - Phân tích quy định pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án - Phân tích những bất cập và hướng hoàn thiện pháp luật trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án | 10/2018 | 201/KL | 50 | Sinh viên, học viên, giảng viên, luật sư, thẩm phán | Cao Nhất Linh Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật |
| 253 | Những quy định mới về bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng | - Phân tích quy định pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, quy định về chế biến và thương mại lâm sản. - Chi ra và phân tích những điểm mới trong quy định về bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng theo Luật Lâm nghiệp năm 2017 | 12/2018 | 102/C1 | 50 | Sinh viên chuyên ngành Luật | Võ Hoàng Yên - Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật |
| 254 | Giới thiệu về vai trò của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong hoạt động xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia | - Khái quát chung về hoạt động xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia - Giới thiệu vai trò xây dựng, tổ chức và thực hiện Chính sách tiền tệ quốc gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 09/2018 | Khoa Luật | 75 | Sinh viên và giảng viên có quan tâm | Lê Huỳnh Phương Chinh - Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------------------------|--|
| 255 | Quy định bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba – Tại sao sinh viên cần biết? | <ul style="list-style-type: none"> - Quy định quyền và nghĩa vụ của bên bán bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba - Quy định quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba - Mối quan hệ pháp lý đối với người thứ ba - Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của bên bán bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba | 11/2018 | HT/KL | 60 | Sinh viên và giảng viên có quan tâm | Đoàn Nguyễn Minh Thuận - Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật |
| 256 | Quy định pháp luật Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài - So sánh quy định hiện hành và quy định trong các văn bản thời kỳ trước - Phân tích ưu điểm, khuyết điểm và đưa ra giải pháp hoàn thiện quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài | 11/2018 | 208/C2 | 60 | Sinh viên chuyên ngành Luật | Nguyễn Huỳnh Anh - Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật |
| 257 | Kháng cáo trong tố tụng hình sự | <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về kháng cáo trong tố tụng hình sự - Quy định của BLTTTHS về kháng cáo (so sánh với các giai đoạn trước) - Một số đề xuất | 10/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Trần Hồng Ca, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 258 | Biện pháp khẩn cấp trong pháp luật tố tụng dân sự | Giới thiệu về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng dân sự; Quy định của pháp luật về quyền yêu cầu áp dụng của đương sự; Thẩm quyền ra quyết định áp dụng, hủy bỏ, thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời; Trình tự thủ tục áp dụng; Trách nhiệm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng và một số đề xuất. | 10/2018 | Nhà học C2 | 50 | sinh viên chính quy | Nguyễn Văn Khuê, BM Luật tư pháp, Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|---|
| 259 | Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong TTHS | - Quy định và ý nghĩa quy định pháp luật hiện hành về biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản. Đánh giá một số tồn tại bất cập và kiến nghị giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật | 11/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Nguyễn Chí Hiếu, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 260 | Bảo hộ quyền sao chép tác phẩm theo PLVN | Nghiên cứu các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sao chép là một trong các quyền tài sản của quyền tác giả. Bên cạnh đó, tác giả sẽ so sánh đối chiếu với các Điều ước quốc tế về bảo hộ quyền sao chép, cũng như tìm hiểu thực tiễn hiện nay về hành vi xâm phạm quyền sao chép, để từ đó đề xuất hướng giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sao chép tác phẩm. | 10/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 261 | Bảo vệ thông tin bí mật cá nhân của trẻ em trên môi trường mạng | Quy định và ý nghĩa của quy định về việc bảo vệ thông tin bí mật cá nhân của trẻ em trên môi trường mạng. Thực tiễn áp dụng và một số giải pháp đề xuất | 9/2018 | C1 | 50 | sinh viên chính quy | Huỳnh Thị Trúc Giang, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 262 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người của cơ sở giáo dục đại học công lập gây ra | Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại so người của cơ sở giáo dục đại học gây ra khi thực hiện nhiệm vụ được giao; trách nhiệm hoàn trả; thực trạng các quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại khi người của cơ sở giáo dục gây ra thiệt hại, từ đó kiến nghị giải pháp hoàn thiện | 8/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Tăng Thanh Phương, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|--|
| 263 | Căn cứ ly hôn theo pháp luật hôn nhân và gia đình | Làm rõ cơ sở lý luận căn cứ ly hôn. Phân tích bất cập của pháp luật về căn cứ ly hôn. Đề xuất sửa đổi, bổ sung luật HNGD để đảm bảo quyền lợi vợ, chồng khi ly hôn | 11/2018 | C1 | 50 | sinh viên chính quy | Trần Khắc Qui, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 264 | Các biện pháp bảo vệ người làm chứng trong vụ án hình sự theo pháp luật TTHSVN so sánh với pháp luật Hoa Kỳ | Nội dung nghiên cứu các biện pháp bảo vệ người i làm chứng trong VAHS theo quy định của pháp luật TTHS VN, so sánh với các biện pháp bảo vệ người làm chứng trong pháp luật Hoa Kỳ; Trên cơ sở so sánh, xác định một số điểm ưu việt của pháp luật Hoa Kỳ mà VN có thể tham khảo để hoàn thiện cơ chế bảo vệ người làm chứng trong VAHS tại VN | 10/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Mạc Giáng Châu, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 265 | Chế định xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong luật hình sự Việt Nam | Nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội, chỉ ra một số tồn tại trong luật thực định và trong quá trình áp dụng, đồng thời đưa ra giải pháp | 11/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Nguyễn Văn Tròn BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |
| 266 | Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án | Giới thiệu thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án; xác định các trường hợp hòa giải ngoài Tòa án | 9/2018 | Khoa Luật | 50 | sinh viên chính quy | Thân Thị Ngọc Bích, BM Luật Tư pháp, Khoa Luật |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| 267 | Kỹ năng thông tin trong thời đại số | Trong bối cảnh thời đại số ngày nay, kỹ năng thông tin của một cá nhân đòi hỏi cần phải cập nhật thêm các kỹ năng mới để phù hợp hơn. Bài báo cáo tập hợp những phân tích so sánh về những điểm tương đồng và khác biệt giữa kỹ năng thông tin cơ bản và kỹ năng thông tin đặt trong bối cảnh số. Thông qua việc phân tích, cán bộ thư viện sẽ có cái nhìn tổng quan và mới mẻ hơn nhằm giúp bạn đọc và cộng đồng nghiên cứu có định hướng tốt hơn về việc rèn luyện, nâng cao các kỹ năng để theo kịp sự phát triển chung của thế giới. | 11/2018 | TTHL | 20 | Viên chức TTHL | Nguyễn Đăng Khoa |
| 268 | Quan Trọng Của Phương Pháp Học Từ Vựng Theo Cụm Từ (Collocation) | Hướng dẫn các em sinh viên năm hai cách học từ vựng theo cụm từ nhằm giúp cho các em tạo khả năng quan sát ngôn ngữ khi người bản xứ dùng và thói quan học từ vựng theo cụm, không dùng từ đơn lẻ. | 08/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 50 | GV, SV | Th.S. Nguyễn Thị Việt Anh |
| 269 | Cùng Sinh Viên Khám Phá và Sử Dụng Hiệu Quả Các Cặp Từ Dễ Gây Nhầm Lẫn Trong Tiếng Anh | Bài báo cáo nhằm giải đáp các thắc mắc: Trong tiếng Anh có tất cả bao nhiêu cặp từ gây khó khăn cho sinh viên Việt Nam khi sử dụng? Làm thế nào để hiểu chúng cho đúng và dùng chúng cho đúng? Làm sao những bài báo cáo chuyên đề về ngôn ngữ như thế này có thể dễ dàng được sinh viên tiếp cận khi các em bắt đầu học không thể đến tham dự buổi báo cáo? | 08/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 50 | GV, SV | Th.S. Nguyễn Thị Việt Anh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|---|
| 270 | Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ | Trên cơ sở lý thuyết về ứng dụng CNTT trong dạy học, đặc biệt là dạy học ngoại ngữ, báo cáo trình bày thực trạng việc ứng dụng CNTT trong dạy học tại Khoa và từ đó đưa ra những đề xuất để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy có ứng dụng CNTT tại đơn vị. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV, SV | TS. Võ Văn Chương |
| 271 | Nhận thức của sinh viên năm 1 Bộ môn PPDH tiếng Anh về kỹ năng mềm. | Bài báo cáo này trình bày nhận thức của sinh viên năm 1 Bộ môn PPDH tiếng Anh về kỹ năng mềm. | 10/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV, SV | ThS. Nguyễn Thành Đức |
| 272 | Chia sẻ về Ứng dụng Zipgrade dùng trong chấm thi trắc nghiệm | Giới thiệu và hướng dẫn cách sử dụng ứng dụng Zipgrade trên điện thoại dùng trong việc chấm thi trắc nghiệm | 10/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 40 | GV, SV | ThS. Lê Đỗ Thanh Hiền Ths. Dương Thị Bích Thảo - Khoa SP |
| 273 | Seminar trong dạy học học phần "Ứng dụng CNTT trong dạy học tiếng Anh " | Báo cáo trình bày cơ sở lý thuyết của phương pháp seminar , phản hồi từ sinh viên cao học sau khi tham dự hình thức học tập seminar trong học phần Ứng dụng CNTT trong dạy học tiếng Anh, và những đề xuất đối với việc ứng dụng Seminar trong dạy học. | 12/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV, SV | TS. Nguyễn Văn Lợi |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|--|
| 274 | Xây dựng văn hóa nhà trường: Quan điểm của giảng viên ngoại ngữ | Bài báo cáo này trình bày kết quả khảo sát quan điểm của giảng viên khoa Ngoại ngữ về văn hóa nhà trường, những biểu hiện tích cực của văn hóa nhà trường và định hướng xây dựng văn hóa nhà trường nói chung và tại khoa nói riêng trong tương lai. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 40 | GV, HVCH | TS. Lê Xuân Mai |
| 275 | Môn Tiếng Anh nâng cao 02 - ngành Công nghệ sinh học tiên tiến: Trải nghiệm Dạy học theo Dự án | Bài báo cáo này chia sẻ trải nghiệm của GV khi áp dụng phương pháp dạy học này với môn <i>Tiếng Anh nâng cao 02</i> dành cho SV ngành CNSHTT. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV, SV, HVCH | TS. Lê Xuân Mai |
| 276 | Đánh giá chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên phổ thông của Trường Đại học Cần Thơ | Giải pháp nâng cao chất lượng chương trình bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh các bậc phổ thông nhằm hướng đến đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Lý Thị Bích Phượng Ths. Ngô Thị Trang Thảo |
| 277 | Chia sẻ kinh nghiệm việc sử dụng sơ đồ tư duy (mind-mapping) trong lớp học Viết tiếng Anh đồng sinh viên thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Anh | Dựa trên những kinh nghiệm đã thực hiện, người báo cáo mong muốn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện kỹ thuật ứng dụng sơ đồ tư duy trong lớp học tiếng Anh đồng sinh viên cũng như góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh tại Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Cần Thơ. | 09/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Võ Phương Quyên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|--|
| 278 | Nhận thức của sinh viên năm 1 ngành Sư phạm tiếng Anh về khả năng tự học và mô hình học nhóm giúp nâng cao khả năng tự học: Thuận lợi - khó khăn và đề xuất | - Giới thiệu mô hình tự học - Nhận thức của sinh viên về sự thay đổi khả năng tự học Những thuận lợi, khó khăn và đề xuất cho mô hình tự học | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Phan Việt Thắng |
| 279 | Sử dụng bài hát để tăng cường phát âm đúng nguyên âm | Bài cáo về việc áp dụng nghe nhạc để giúp sinh viên tăng cường việc phát âm đúng các nguyên âm. | 10/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Nguyễn Thị Kim Thi |
| 280 | Chia sẻ kinh nghiệm đánh giá hoạt động nhóm | Bài báo cáo này chia sẻ một số kinh nghiệm của báo cáo viên với các giảng viên và sinh viên thuộc Khoa Ngoại ngữ trong việc phát huy vai trò “người học là trung tâm”. Buổi báo cáo sẽ được thực hiện theo hình thức giới thiệu và ghi nhận phản hồi từ khán giả để hoàn chỉnh chiến lược đánh giá kết quả học tập, đặc biệt đối với hoạt động nhóm. | 06/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Hồ Phương Thùy ThS.Nguyễn Thị Nguyên Tuyết |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|-----------------------------|
| 281 | Chia sẻ cách thức xây dựng hoạt động ngoại khóa về văn chương | Các báo cáo viên chia sẻ cách thức lập kế hoạch tổ chức, xây dựng chương trình và thúc đẩy sinh viên tham gia vào một sân chơi học thuật liên quan đến mảng văn học của các môn Dẫn luận văn chương, Phê bình văn học và Văn học Anh _ Mỹ | 03/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Hồ Phương Thùy |
| 282 | Nhận thức của giáo viên dạy Tiếng Anh không chuyên ngữ về giảng dạy ngôn ngữ dựa trên phương pháp Task-based Language Teaching | Bài báo cáo trình bày về kết quả của một nghiên cứu (1) ảnh hưởng của sự can thiệp Task-based Language Teaching (TBLT) đối với việc thực hiện các công việc nghe, đọc, nói và viết của học viên so với phương pháp dạy học truyền thống (Translation Teaching Method), và với phương pháp Presentation - Practice-Production (PPP) và (2) nhận thức của giáo viên về giáo dục ngôn ngữ. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Nguyễn Phương Bảo Trần |
| 283 | Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Trong Giảng Dạy môn Đọc hiểu Tiếng Anh | Báo cáo viên giới thiệu các công cụ học trực tuyến khác nhau để ứng dụng trong việc dạy môn đọc hiểu, các trang web và nguồn tài nguyên trên mạng nhằm phân tích mức độ khó của bài đọc bằng công cụ trên mạng. Cuối cùng bài cáo cáo chia sẻ những lời khuyên dành cho giáo viên khi muốn ứng dụng công nghệ trong môn đọc. | 11/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS. Nguyễn Phương Bảo Trần |
| 284 | Sự đổi mới, sáng tạo và những rào cản | Tầm quan trọng của sự sáng tạo và đổi mới Những khó khăn ngăn trở giảng viên sáng tạo và đổi mới Đề xuất | 10/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV | ThS.Hồng Thị Thanh Trúc |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|-------------------|-----------------------|
| 285 | Constructivist Grounded Theory: Approaches and Potentials for Language Learning and Teaching Research | Trình bày sơ lược về phương pháp nghiên cứu lý thuyết cơ sở và tiềm năng sử dụng phương pháp này trong các nghiên cứu về dạy và học ngôn ngữ. | 09/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV, HVCH | TS. Nguyễn Thị Văn Sử |
| 286 | Chấm bài trắc nghiệm với ứng dụng trên điện thoại thông minh | Bài báo cáo này chia sẻ những kinh nghiệm trong việc sử dụng ứng dụng TNMaker để chấm bài trắc nghiệm của các đối tượng người học khác nhau. | 08/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV,SV, HVCH | TS. Phương Hoàmg Yến |
| 287 | Thái độ của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh trong việc làm tiểu luận, luận văn tốt nghiệp & Một số lỗi thường gặp của sinh viên trong các bài tiểu luận - luận văn tốt nghiệp dưới góc độ đánh giá từ giáo viên hướng dẫn. | Báo cáo chia sẻ kết quả khảo sát về thái độ của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh trong việc làm tiểu luận - luận văn tốt nghiệp để từ đó đơn vị quản lý cũng như sinh viên có được một kênh thông tin tham khảo điều chỉnh nội dung môn học phù hợp hơn. Bên cạnh đó, báo cáo cũng chia sẻ kết quả thu thập được về các lỗi sinh viên thường gặp khi viết tiểu luận - luận văn tốt nghiệp. Những thông tin trên có thể giúp sinh viên đang chuẩn bị hoặc đang làm tiểu luận - luận văn tốt nghiệp điều chỉnh và hoàn thiện bài viết của mình tốt hơn. | 08/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 40 | GV, SV | ThS. Lưu Bích Ngọc |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------------|
| 288 | Sử dụng e-portfolio trong việc chia sẻ nguồn tài liệu giảng dạy Anh văn căn bản | Nội dung chính của bài báo cáo gồm 2 phần chính: (1) kết quả khảo sát ý kiến của giảng viên về việc áp dụng e-portfolio trong việc chia sẻ tài liệu dạy và học Tiếng Anh căn bản, (2) hướng dẫn sử dụng e-portfolio trong việc chia sẻ tài liệu dạy và học. | 09/2018 | HT Khoa Ngoại ngữ | 30 | GV, SV | ThS. Phan Thanh Ngọc Phượng |
| 289 | Những vấn đề cần lưu ý để đảm bảo tính khoa học và học thuật khi trình bày luận văn tốt nghiệp đại học ngành Sinh học và cao học ngành Sinh thái học | Báo cáo này cung cấp cho sinh viên ngành Sinh học và học viên ngành Sinh thái học những quy định cơ bản hay những nguyên tắc chung khi trình bày các phần cụ thể của luận văn tốt nghiệp để đảm bảo tính khoa học và học thuật. Song song đó, chủ đề này cũng sẽ phân tích, tổng hợp và thảo luận những lỗi thường gặp (hoặc là những sai lầm hay những nhầm lẫn do chủ quan) khi viết tóm lược, lược khảo tài liệu, phương pháp nghiên cứu, kết quả và thảo luận, kết luận và kiến nghị. Ngoài ra, báo cáo còn thảo luận những lỗi cần lưu ý tránh mắc phải khi viết trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo. | 9/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 30 | Giảng viên, học viên và sinh viên | PGS.TS. Ngô Thanh Phong |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|---------------------------|
| 290 | Sự thích nghi của rễ, thân và lá ở một số loài thực vật bậc cao trong môi trường khô hạn | <p>Giới thiệu về sự ra đời, cơ chế tác động Phân tích sự đa dạng của các kiểu rễ, thân và lá để thấy được giá trị thích nghi của thực vật ở vùng khô hạn thông qua hình thái và cấu trúc cũng như các đặc điểm hiển vi, từ đó hệ thống thành bộ tiêu chí dùng để lựa chọn hay đánh giá khả năng chịu hạn của các loài thực vật có khả năng thích nghi vùng khô hạn.</p> <p>Giới thiệu bộ sưu tập hình ảnh về hình thái và cấu trúc thích nghi của rễ, thân và lá một số loài thực vật bậc cao phục vụ cho giảng dạy lý thuyết và thực hành các học phần liên quan đến hình thái giải phẫu thực vật.</p> | 10/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 40 | Giảng viên, học viên và sinh viên | PGS.TS. Ngô Thành Phong |
| 291 | Tính chất điện tử và các tính chất truyền dẫn trong các trúc nanoribbon | <p>Báo cáo sẽ trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu các cấu trúc nanoribbon + Giới thiệu và phân tích tính chất điện tử và tính chất truyền dẫn + Phương pháp xác định tính chất điện tử và tính chất truyền dẫn trong chất rắn + Trình bày một số kết quả nghiên cứu mới liên quan đến tính chất điện tử và tính chất truyền dẫn trong các trúc nanoribbon của nhóm | 08/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 30 | Giảng viên, học viên và sinh viên | PGS.TS. Nguyễn Thành Tiên |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 292 | Nghiên cứu và chế tạo vật liệu huỳnh quang SrAl ₂ O ₄ pha tạp Mn ⁴⁺ ứng dụng cho điot phát quang ánh sáng trắng | Điốt phát quang ánh sáng trắng (white-LED) đã và đang được nghiên cứu rộng rãi trong những năm gần đây. Đặc biệt white-LED đang được ứng dụng mạnh mẽ trong chiếu sáng nhằm thay thế các loại bóng đèn truyền thống vì các đèn sử dụng white-LED có những đặc tính vượt trội so với các sản phẩm chiếu sáng truyền thống hiện nay (đèn huỳnh quang, huỳnh quang compact, đèn khí neon)... như tiết kiệm năng lượng, tuổi thọ cao và thân thiện với môi trường. Báo cáo trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu WLED trên thế giới và tại Việt Nam. Quy trình chế tạo vật liệu huỳnh quang ứng dụng cho WLED và một số kết quả nghiên cứu thành công vật liệu huỳnh quang SrAl ₂ O ₄ pha tạp Mn ⁴⁺ ứng dụng cho WLED tại PTN Vật liệu, Khoa Khoa học Tự nhiên. | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 40 | Giảng viên, học viên và sinh viên | ThS. Nguyễn Thị Kim Chi |
| 293 | Phân loại các đại số Lie thực giải được 7 chiều có căn luỹ linh 5 chiều | Báo cáo sẽ trình bày: + Giới thiệu sơ lược về bài toán phân loại đại số Lie + Kết quả Phân loại các đại số Lie thực giải được 7 chiều có căn luỹ linh 5 chiều | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | ThS. Nguyễn Thị Cẩm Tú |
| 294 | Điều kiện tối ưu dạng Karush-Kuhn-Tucker mạnh cho bài toán tối ưu đa nửa vô hạn với ràng buộc hỗn hợp | Sử dụng dưới tập lồi hóa, chúng tôi xây dựng điều kiện tối ưu cần và đủ dạng Karush-Kuhn-Tucker mạnh cho nghiệm hữu hiệu của bài toán tối ưu nửa vô hạn với ràng buộc hỗn hợp đẳng thức và bất đẳng thức. Một số ví dụ cho thấy các kết quả có thể áp dụng được cho lớp hàm số không Lipschitz | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | TS. Lê Thanh Tùng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 295 | Xây dựng bộ tư liệu về hình ảnh phục vụ cho giảng dạy học phần thực hành Sinh học đại cương A1 (TN027) | Thực hành Sinh học đại cương A1 là học phần thực hành bắt buộc dành cho sinh viên của nhiều ngành học khác như Sinh học, Công nghệ Sinh học, Vi sinh vật học, Thú y, ... Nội dung của học phần này gồm có 06 bài với đầy đủ các hướng dẫn khá chi tiết nhằm giúp sinh viên có thể tự đọc và tìm hiểu ở nhà và hình dung được các bước tiến hành trước khi đến phòng thí nghiệm. Tuy nhiên sinh viên còn gặp nhiều khó khăn trong thao tác thực hiện các thí nghiệm. Do vậy việc bổ sung bộ tư liệu về hình ảnh để minh họa chi tiết hơn cho các bước thực hành sẽ giúp sinh viên tiếp cận nhanh và hiệu quả hơn trong quá trình học tập. Trong nội dung của báo cáo này sẽ trình bày một cách chi tiết kết quả thực hiện bộ tư liệu về hình ảnh phục vụ cho giảng dạy 06 bài thực hành của môn thực hành Sinh học đại cương A1 (thể hiện trên PowerPoint). Kết quả sẽ được chuyển giao cho Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN để phục vụ trong giảng dạy. | 10/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | TS. Trần Thanh Mến |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|-----------------------------------|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 296 | Phân tích chùm cho dữ liệu khoảng | Báo cáo trình bày thuật toán di truyền tự động trong phân tích chùm cho khoảng dữ liệu (AGAI). Trong thuật toán này, khoảng cách chồng lấp của các khoảng trong trường hợp một chiều và nhiều chiều được sử dụng để xác định số lượng thích hợp của chùm. Chúng tôi cũng cải tiến các bước lai ghép, đột biến và chọn lọc của thuật toán di truyền truyền thống dựa trên sự tối ưu của chỉ số DB cải tiến. Sự hội tụ của thuật toán AGAI được chứng minh về mặt lý thuyết và được minh họa bởi những ví dụ số. Sự thuận lợi của thuật toán đề nghị được kiểm tra bởi những ví dụ số với những đặc tính khác nhau và được thực hiện bởi code Matlab. Các ví dụ này cũng cho thấy tiềm năng trong các ứng dụng thực tế của vấn đề được nghiên cứu. | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Võ Văn Tài |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 297 | Sự thay đổi hoạt động của các enzyme chuyển hóa glucose ở bệnh đái tháo đường type 2 | Glucose là nguồn năng lượng chính cho hoạt động của tế bào và cơ thể ở người. Hàm lượng glucose huyết ở người được điều hòa chủ yếu bởi sự tạo glucose ở gan và sử dụng glucose của các cơ quan như cơ và gan. Sự cân bằng glucose của cơ thể chủ yếu bởi quá trình tạo glucose ở gan. Sự tạo thành glucose ở gan là quá trình quan trọng để duy trì glucose huyết ở mức bình thường. Sự hoạt hóa quá mức các enzyme của quá trình tạo glucose ở gan dẫn đến sự tăng glucose huyết và bệnh đái tháo đường type 2. Sự tạo thành glucose ở gan chủ yếu bởi hai quá trình là quá trình phân giải glycogen thành glucose và sự tổng hợp glucose từ các tiền chất. Các quá trình này được xúc tác bởi nhiều enzyme trong đó enzyme chìa khóa trong sự điều hòa tổng hợp glucose là glucose-6-phosphatase. Ngược lại, các enzyme xúc tác các phản ứng của quá trình sử dụng glucose giảm ở các bệnh nhân bệnh đái tháo đường. Kết quả của sự thay đổi hoạt động của các enzyme chuyển hóa glucose này dẫn đến glucose huyết ngày càng tăng cao ở bệnh nhân bệnh đái tháo đường. | 10/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Đái Thị Xuân Trang |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 298 | Dapagliflozin, thuốc mới trong điều trị đái tháo đường type 2: Ví dụ điển hình trong việc nghiên cứu tổng hợp thuốc mới dựa trên khung cơ bản của hợp chất thiên nhiên | Giới thiệu về sự ra đời, cơ chế tác dụng (do ức chế SLGT-2) và chỉ định của dapagliflozin, một thuốc mới trong điều trị đái tháo đường type 2 hiện nay. Hoạt chất này được tổng hợp dựa trên khung cơ bản của phlorizin, một flavonoid khung dihydrochalcon được phân lập từ vỏ cây Táo (<i>Malus domestica</i> Borkh., Rosaceae). Kết quả tổng hợp dapagliflozin có thể xem là minh chứng tiêu biểu về vai trò quan trọng của các hợp chất thiên nhiên trong việc cung cấp khung cơ bản để tổng hợp thuốc mới. | 7/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Huỳnh Anh Duy |
| 299 | Định lý giới hạn cho bước đi ngẫu nhiên trong môi trường ngẫu nhiên | Bài báo cáo đưa ra mô hình của bước đi ngẫu nhiên trong môi trường ngẫu nhiên với cường độ dịch chuyển dừng và có trọng số. Sử dụng các kiến thức của giải tích về phương trình hàm đối với phương trình Poisson và phương pháp moment trong lý thuyết xác suất để xác định quy luật phân phối xác suất giới hạn của quá trình ngẫu nhiên đang xét. Đây là một sự mở rộng của các kết quả gần đây liên quan vấn đề này. | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Lâm Hoàng Chương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--------------------------------------|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 300 | Tồn tại nghiệm cho bài toán cân bằng | Mô hình bài toán được Blum và Oettli (1994) đưa ra. Bài toán này là dạng tổng quát của bài toán tối ưu và bài toán bất đẳng thức biến phân, chứa rất nhiều bài toán quan trọng khác của tối ưu hóa như: bài toán điểm bất động, bài toán điểm trùng, bài toán mạng giao thông, bài toán cân bằng Nash. Bằng việc giảm nhẹ giả thiết về điều kiện bất đẳng thức dạng tam giác cho hàm mục tiêu, trong báo cáo này chúng tôi đưa ra một cách chứng minh mới cho tồn tại nghiệm của bài toán cân bằng. Chúng tôi cũng đưa ra các thí dụ cụ thể để minh họa cho các kết quả của mình, đồng thời cũng so sánh với các kết quả trước đây nghiên cứu về vấn đề này. | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Đinh Ngọc Quý |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 301 | Sự chuyển hóa sinh học glycerol phụ phẩm từ quá trình tổng hợp biodiesel thành các acid hữu cơ | <p>Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nông nghiệp trọng điểm góp phần đảm bảo an ninh lương thực và tăng trưởng kinh tế của cả nước, đặc biệt là xuất khẩu thủy sản. Quá trình sản xuất các sản phẩm thủy sản xuất khẩu như cá tra, cá basa đã tạo ra một lượng lớn phế phẩm như da cá, mỡ cá chứa rất nhiều chất béo. Hiện tại, các nguồn phế phẩm này đang được nghiên cứu để sản xuất nhiên liệu sinh học nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của người dân đồng bằng. Các nghiên cứu cho thấy với qui mô 20 - 30 kg phế phẩm mỡ cá có thể tạo ra khoảng 80% thể tích nhiên liệu sinh học, 20% phụ phẩm chứa phần lớn là glycerol. Như vậy nếu sản xuất ở qui mô lớn, lượng glycerol phụ phẩm sinh ra càng nhiều.</p> <p>Nội dung của báo cáo sẽ trình bày cách phân lập các dòng nấm men có khả năng chuyển hóa glycerol phụ phẩm thành các acid hữu cơ và khảo sát hiệu quả chuyển hóa của chúng trong điều kiện phòng thí nghiệm.</p> | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Nguyễn Thị Phi Oanh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|-------------------------------|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 302 | Sự lên men ethanol từ vỏ Khóm | Ở Việt Nam, đặc biệt là ĐBSCL, nhiều loại trái cây được đóng hộp hoặc sấy khô để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Các sản phẩm này ngày càng gia tăng về sản lượng. Tuy nhiên, quá trình chế biến trái cây sẽ thải ra một lượng lớn phế phẩm nông nghiệp như vỏ, hột trái cây,... Các phế phẩm này nếu không được tái sử dụng sẽ lãng phí nguồn carbon rất lớn đồng thời sẽ gây ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân lập các dòng nấm men có khả năng lên men hiệu quả vỏ Khóm để tạo ethanol. Dòng nấm men tiềm năng sẽ được tuyển chọn và khảo sát các điều kiện tối ưu cho sự lên men ethanol. | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Nguyễn Thịị Phi Oanh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 303 | Xây dựng bộ tư liệu về hình ảnh phục vụ cho giảng dạy học phần thực hành Sinh học đại cương A2 (TN028) | Thực hành Sinh học đại cương A2 là học phần thực hành bắt buộc dành cho sinh viên của nhiều ngành học như Sinh học, Công nghệ Sinh học, Vi sinh vật học, Thú y, Nông học.... Nội dung của học phần này gồm có 06 bài với đầy đủ các hướng dẫn khá chi tiết nhằm giúp sinh viên có thể tự đọc và tìm hiểu ở nhà và hình dung được các bước tiến hành trước khi đến phòng thí nghiệm. Tuy nhiên sinh viên còn gặp nhiều khó khăn trong thao tác thực hiện các thí nghiệm. Do vậy việc bổ sung bộ tư liệu về hình ảnh để minh họa chi tiết hơn cho các bước thực hành sẽ giúp sinh viên tiếp cận nhanh và hiệu quả hơn trong quá trình học tập. Ngoài ra phần đa dạng sinh học cần nhiều hình ảnh của những loài thực vật và động vật mà sinh viên chưa thấy được trong thực tế giúp cho sinh viên nhận diện và phân loại dễ dàng hơn. Trong nội dung của báo cáo này sẽ trình bày một cách chi tiết kết quả thực hiện bộ tư liệu về hình ảnh phục vụ cho giảng dạy 06 bài thực hành của môn thực hành Sinh học đại cương A2 (thể hiện trên PowerPoint). Kết quả sẽ được chuyển giao cho Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN để phục vụ trong giảng dạy. | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Nguyễn Thị Don |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 304 | Sử dụng phần mềm LaTeX soạn thảo tài liệu Toán học | Báo cáo giới thiệu cách sử dụng phần mềm Toán học LaTeX trong quá trình học tập của sinh viên ngành Toán Ứng dụng. Phần mềm LaTeX dùng để soạn thảo văn bản như bài báo, tiểu luận, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, LaTeX là trình biên dịch được tạo nên bởi các lệnh, môi trường, macro,... LaTeX tạo ra văn bản với trình bày đẹp, qui chuẩn thế giới và linh hoạt trong chỉnh sửa. Ngoài ra, LaTeX còn có thể tạo ra file trình chiếu PowerPoint. Qua nghiên cứu sinh viên có công cụ hữu hiệu hỗ trợ trong quá trình học tập và nghiên cứu về Toán Ứng dụng. | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 25 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Nguyễn Hữu Khánh |
| 305 | Mô hình toán học về ô nhiễm môi trường | Báo cáo nghiên cứu về mô hình toán học cho sự ô nhiễm môi trường. Mô hình cho bởi hệ phương trình vi phân phụ thuộc các tham số. Chúng tôi khảo sát tính ổn định của các điểm cân bằng liên quan đến thành phần gây ô nhiễm. Khảo sát số được dùng để kiểm tra tính đúng đắn của kết quả lý thuyết. Các kết quả nhận được giúp nhà quản lý nắm được cơ chế ô nhiễm và có biện pháp hạn chế sự ô nhiễm trong môi trường. | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 25 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Nguyễn Hữu Khánh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|----------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 306 | Bổ đề Snake và sự xác định ảnh của đồng cấu nối của dãy khớp. | Bổ đề Snake là một công cụ hữu hiệu trong toán học, đặc biệt là trong đại số đồng điều, để xây dựng dãy khớp dài. Dãy khớp này được sử dụng trong mọi phạm trù aben và là công cụ chính trong đại số đồng điều và các ứng dụng của nó. Đồng cấu được xây dựng với lợi ích của bổ đề này được gọi chung là đồng cấu nối. Báo cáo trình bày bổ đề Snaks và phương pháp xác định ảnh của một đồng cấu nối của dãy khớp. | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 25 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Phạm Bích Nhu |
| 307 | Một số ứng dụng của đồng cấu nối của dãy khớp | Đồng cấu nối là một công cụ quan trọng trong tô pô đại số. Nó là công cụ giúp xây dựng các dãy khớp dài từ dãy khớp ngắn. Báo cáo sẽ trình bày một số ứng dụng của đồng cấu nối của dãy khớp của nhóm Ext, Tor,... | 11/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 25 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Phạm Bích Nhu |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|------------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 308 | Một ứng dụng công nghiệp từ các thuật toán chọn mẫu Gibbs | <p>Trước hết chúng tôi đề xuất một số dạng cải tiến từ hai dạng chọn mẫu Gibbs cơ bản là chọn mẫu Gibbs tuần tự và chọn mẫu Gibbs quét ngẫu nhiên. Sự hội tụ của các giải thuật cải tiến được kiểm chứng chặt chẽ. Một đề xuất khác biệt nữa là chúng tôi xây dựng một trường ngẫu nhiên với các nhóm tham số cực đại (maximal clique) dựa trên quan hệ phụ thuộc. Các đề xuất này được sử dụng để tạo ra các mẫu mô phỏng cho một vector ngẫu nhiên nhiều chiều $\mathbf{X} = (X_1, X_2, \dots, X_V)$. Tình huống ứng dụng đặt ra là số lượng tham số (số chiều của vector ngẫu nhiên) là lớn, và do đó, cùng với sự tham gia của các lớp tương đương trong mỗi tham số, làm cho lực lượng của không gian cấu hình rất lớn. Các đề xuất đưa ra nhằm đảm bảo sao cho thời gian tạo mẫu ít nhất, số các bản sao trùng lặp thấp nhất và thuật toán đạt được sự hội tụ nhanh nhất. Các nghiên cứu này được đặt hàng để tạo ra các mẫu mô phỏng dùng để đánh giá các thiết bị ADAS (Advanced Driver Assistance Systems).</p> | 12/2018 | Phòng chuyên đề, Khoa KHTN | 20 | Giảng viên, học viên và sinh viên | Trần Văn Lý |
| 309 | Rèn kỹ năng giải bài toán thể tích hình chóp đều cho học sinh dự bị đại học | <ul style="list-style-type: none"> - Phần mở đầu: Lý do chọn đề tài. - Phần nội dung: Các kiến thức cơ bản cần nhớ; Kỹ năng phân tích đề, từ đó hình thành kỹ năng vẽ hình và tự giải quyết vấn đề; Các ví dụ minh họa. - Phần kết luận: Bài học kinh nghiệm; khả năng ứng dụng, triển khai; kiến nghị, đề xuất | 10/2018 | Phòng họp Khoa Dự bị Dân tộc | 20 | Cán bộ và học sinh Khoa DBDT | Nguyễn Hoàng Long |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| 310 | Tổ chức cho học sinh thuyết trình | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực; - Tra cứu tài liệu; - Lập kế hoạch làm việc; - Hợp tác; - Giao tiếp; - Tư duy sáng tạo; - Tư duy phản biện; | 10/2018 | Phòng họp Khoa Dự bị Dân tộc | 20 | Cán bộ và học sinh Khoa DBDT | ThS Phạm Nguyễn Toại |
| 311 | Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm kiểm tra lỗi Tiếng Việt | Minh họa việc cài đặt và sử dụng phần mềm kiểm tra lỗi Tiếng Việt bằng VietSpell | 11/2018 | Phòng họp Khoa Dự bị Dân tộc | 20 | Cán bộ và học sinh Khoa DBDT | Nguyễn Thị Kim Vân |
| 312 | Thủ thuật giải nhanh bài tập dao động điều hòa và điện xoay chiều bằng máy tính casio cho học sinh Khoa Dự bị Dân tộc | <ul style="list-style-type: none"> - Tầm quan trọng khi sử dụng máy tính bỏ túi trong giải bài tập môn Vật lý. - Kỹ thuật sử dụng máy tính casio trong giải bài tập dao động điều hòa và điện xoay chiều. | 11/2018 | Phòng họp Khoa Dự bị Dân tộc | 20 | Cán bộ và học sinh Khoa DBDT | Trần Hoàng Quê Anh |
| 313 | Kỹ năng viết nhanh đoạn văn nghị luận xã hội dành cho học sinh dự bị đại học | <ul style="list-style-type: none"> - Phần mở đầu: Lý do chọn đề tài - Phần nội dung: <p>Về hình thức đoạn văn: những điều học sinh cần lưu ý</p> <p>Về nội dung đoạn văn: kỹ năng giải quyết vấn đề, cấu trúc đoạn, ví dụ minh họa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần kết luận: Khả năng ứng dụng của phương pháp. | 10/2018 | Phòng họp Khoa Dự bị Dân tộc | 20 | Cán bộ và học sinh Khoa DBDT | Nguyễn Thanh Nhã Trúc |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|--------------------------------------|------------------|---|-----------------------|
| 314 | Phân tích và mô phỏng sự cố ngắn mạch trong hệ thống điện bằng phần mềm ATP | <p>Cụ thể nội dung giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của sự cố ngắn mạch trong hệ thống điện - Xây dựng bài toán ngắn mạch trong hệ thống điện - Mô phỏng và phân tích ngắn mạch một pha bằng phần mềm ATP trong hệ thống điện 110kV - Mô phỏng và phân tích ngắn mạch hai pha bằng phần mềm ATP trong hệ thống điện 110kV - Mô phỏng và phân tích ngắn mạch hai pha chạm đất bằng phần mềm ATP trong hệ thống điện 110kV - Mô phỏng và phân tích ngắn mạch ba pha bằng phần mềm ATP trong hệ thống điện 110kV - Kết luận | 10/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ Học viên cao học và sinh viên quan tâm | Nguyễn Đăng Khoa |
| 315 | Ứng dụng phần mềm ATP phân tích và mô phỏng quá độ khi đóng/cắt đường dây và máy biến áp vào hệ thống truyền tải điện | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu lý thuyết tính toán quá trình quá độ khi đóng/cắt đường dây, máy biến áp trong vận hành - Ứng dụng phần mềm ATP để mô phỏng quá trình quá độ khi đóng/cắt đường dây trong hệ thống điện 110kV - Ứng dụng phần mềm ATP để mô phỏng quá trình quá độ khi đóng/cắt máy biến áp trong hệ thống điện 110kV - Kết luận | 10/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ Học viên cao học và sinh viên quan tâm | Nguyễn Đăng Khoa |
| 316 | Đánh giá quá trình bồi lấp, xói lở bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc phân tích ảnh viễn thám | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về tài liệu ảnh viễn thám - Các phương pháp sử dụng để phân tích ảnh viễn thám - Phân tích ảnh viễn thám để đánh giá quá trình bồi lấp, xói lở bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Phòng họp Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ Học viên cao học và sinh viên quan tâm | Cù Ngọc Thắng |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|--------------------------|------------------|---|-----------------------|
| 317 | Phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả của các công trình bảo vệ bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về các công trình bảo vệ bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long - Phân tích thực trạng các công trình bảo vệ bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long - Đánh giá hiệu quả của các công trình bảo vệ bờ sông, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Phòng họp Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ Học viên cao học và sinh viên quan tâm | Cù Ngọc Thắng |
| 318 | Tính toán cột chịu lực 2 phương bằng phần mềm excel, liên kết số liệu với SAP và ETABS | <ul style="list-style-type: none"> - Cách liên kết và truy xuất số liệu từ phần mềm SAP, ETABS phục vụ tính toán cột chịu lực 2 phương, - Cách nhận biết phương chịu lực, - Tính toán và điều chỉnh số liệu. | 10/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Hồ Ngọc Tri Tân |
| 319 | Mô hình tích hợp Fuzzy-QFD-TOPSIS đánh giá chiến lược cạnh tranh trong chuỗi cung ứng | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu phương pháp Fuzzy QFD, Fuzzy TOPSIS - Sử dụng phương pháp Fuzzy QFD để xây dựng các chiến lược cạnh tranh - Kết hợp mô hình Fuzzy-QFD và Fuzzy-TOPSIS để đánh giá và xếp hạng chiến lược. | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Trần Thị Thắm |
| 320 | Ứng dụng phương pháp VIKOK trong quản lý chuỗi cung ứng | <p>Nội dung báo cáo cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về phương pháp VIKOK - Ứng dụng phương pháp VIKOK trong quản lý chuỗi cung ứng - Định hướng nghiên cứu tiếp theo. | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Trần Thị Thắm |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|--------------------------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 321 | Công nghệ sản xuất xi măng Portland hiện đại – một hướng đi của tất cả các nhà máy xi măng tương lai | <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sản xuất xi măng - Mô hình 1 nhà máy sản xuất xi măng hiện đại + Công nghệ nghiên (nguyên phôi liệu, xi măng) + Công nghệ đánh đồng + Công nghệ tiền nung + Công nghệ nung | 09/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Việt Bách |
| 322 | Các nguồn gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất xi măng Portland và các biện pháp khắc phục | <p>Công nghệ sản xuất xi măng Portland đã, đang và sẽ là 1 ngành quan trọng trong việc phát triển cơ sở hạ tầng của 1 thành phố, 1 quốc gia, làm cho cuộc sống trở nên chất lượng, an toàn và hiện đại hơn. Tuy nhiên, hậu quả của quá trình sản xuất xi măng là vấn đề ô nhiễm – ô nhiễm môi trường lẫn ô nhiễm tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất. Đây là vấn đề cần được quan tâm và giải quyết để ngành công nghiệp sản xuất xi măng Portland trở nên thân thiện hơn với môi trường. Nội dung báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sản xuất xi măng Portland - Các nguồn gây ô nhiễm + Ô nhiễm tiếng ồn + Ô nhiễm bụi + Ô nhiễm khí thải - Các biện pháp khắc phục + Thay đổi công nghệ để hạn chế tiếng ồn + Sử dụng hệ thống lọc bụi tĩnh điện để loại bụi trong khu vực sản xuất + Thay đổi kết cấu lò nung để hạn chế khí thải + Xử lý rác thải của ngành công nghiệp khác để góp phần bảo vệ môi trường. | 10/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 30 | Cán bộ và sinh viên | Nguyễn Việt Bách |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|--------------------------------------|------------------|--------------------|-----------------------|
| 323 | Thiết kế máy sấy chuối sử dụng bơm nhiệt, năng suất 150 kg/h | Chuối sau khi thu hoạch muốn bảo quản được lâu thì phải được phơi sấy để tách bớt nước, nhưng việc phơi tự nhiên thì phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, và nếu sấy bình thường thì nhiệt độ rất cao nên chất lượng và cảm quan sẽ giảm vì vậy máy sấy chuối sử dụng bơm nhiệt năng suất 150 kg/giờ phù hợp cho cơ sở sản xuất nhỏ đã được tính toán thiết kế, máy có kích thước dài – rộng — cao theo thứ tự là 1580 mm x 1125 mm x 2030 mm, sử dụng quạt 15 kW để chuyển tác nhân sấy từ dàn lạnh sang dàn nóng. | 11/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 25 | Cán bộ + sinh viên | Trương Văn Thảo |
| 324 | Tính toán thiết kế máy tròng khoai mì gắn trên máy kéo 20 HP. | Để giảm công việc nặng nhọc và vất vả của người nông dân, đồng thời ngầm tăng năng suất của việc tròng khoai mì nên máy tròng khoai mì gắn trên máy kéo 20 HP phù hợp với nông hộ và nông trại nhỏ được thiết kế. Máy có kích thước (dài x rộng x cao) theo thứ tự là (2.200 mm x 2.039 mm x 1.170 mm), năng suất lý thuyết là 1,6 ha/ngày (với vận tốc làm việc 1,44 km/h). | 11/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 25 | Cán bộ + sinh viên | Trương Văn Thảo |
| 325 | Ứng dụng bộ điều khiển PR cho hệ thống MMC-HVDC dưới điều kiện điện áp không cân bằng | - Giới thiệu tổng quan về vấn đề nghiên cứu - Cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống MMC-HVDC - Phương pháp điều khiển đề nghị cho hệ thống MMC-HVDC | 10/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 25 | Cán bộ + sinh viên | Quách Ngọc Thịnh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| 326 | Sử dụng hệ thống MMC-HVDC để điều chỉnh điện áp cho hệ thống điện | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về vấn đề nghiên cứu - Bù công suất phản kháng sử dụng Statcom - Khả năng trao đổi công suất phản kháng của hệ thống MMC-HVDC - Bổ sung bộ điều khiển điện áp cho hệ thống MMC-HVDC - Tổng quan về hệ thống điện trên đảo Jeju - Kết quả mô phỏng và kết luận | 10/2018 | Phòng Active Learning-Khoa Công nghệ | 25 | Cán bộ + sinh viên | Quách Ngọc Thịnh |
| 327 | Xây dựng mô hình Mixed Integer Linear Programming (MILP) để điều độ hoạt động Cross-docking xem xét các yếu tố Xe đến Kho, hoạt động Shop-Floor và Xe ra khỏi kho. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu Mixed Integer Linear Programming Model (MILP) - Giới thiệu khái quát về hoạt Cross-docking trong chuỗi cung ứng. - Xây dựng mô hình toán dựa trên nguyên lý MILP để xác định các giá trị tối ưu về chi phí hoạt động - Xây dựng mô hình giải bài toán trên phần mềm tối ưu hoá IBM ILOG CPLEX Optimization Studio kết hợp với Microsoft Excel. - Các vấn đề được thảo luận. - Ví dụ minh họa cụ thể. | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Nguyễn Thắng Lợi |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|------------------------|
| 328 | Xây dựng mô hình khái niệm về mối quan hệ đối tác thuê ngoài Logistics (Outsourcing Logistics) | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về đặc điểm của Outsourcing Logistics. - Giới thiệu về sự cần thiết của việc xây dựng mối quan hệ giữa khách hàng (KH) và nhà cung cấp dịch vụ Logistics (LSP). - Xác định xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa KH và LSP. - Xây dựng mô hình khái niệm bằng một loạt các biến khác nhau và các phương pháp tiếp cận khác nhau để lựa chọn. - Các vấn đề được thảo luận. - Ví dụ minh họa | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Nguyễn Thắng Lợi |
| 329 | Sản xuất dầu nhờn sinh học thân thiện với môi trường từ dầu không sử dụng được | <p>Nội dung báo cáo cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Giới thiệu tổng quan nhu cầu sử dụng dầu nhờn sinh học trong và ngoài nước <input type="checkbox"/> Giới thiệu các loại nguyên liệu dùng để sản xuất dầu nhờn hiện nay <input type="checkbox"/> Giới thiệu chi tiết hai loại nguyên liệu dùng để sản xuất dầu nhờn sinh học như dầu cọ và dầu Jatropha curcas và thành phần hóa học của chúng <input type="checkbox"/> Phản ứng tổng hợp dầu nhờn thông qua 2 bước: phản ứng transester hóa và phản ứng với trimethylolpropane sử dụng sodium methoxide làm xúc tác <input type="checkbox"/> Phân tích và so sánh thành phần sản phẩm dầu nhờn sinh học từ dầu cọ và dầu Jatropha curcas. | 8/2018 | Active learning | 30 | Cán bộ + sinh viên | Trần Nguyễn Phương Lan |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|--------------------|------------------------|
| 330 | Khuynh hướng sử dụng các nguồn nguyên liệu để sản xuất nhiên liệu sinh học hiện nay và tác động của chúng đến môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan nhu cầu sử dụng nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước - Chính sách sử dụng nhiên liệu sinh học của một số nước trên thế giới như: Mỹ, Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc và một số nước khu vực Đông Nam Á như: Thái Lan, Indonesia, Việt Nam.... - Giới thiệu một số loại nguyên liệu dùng để sản xuất nhiên liệu sinh học như dầu ăn được và dầu không ăn được (edible oil hay non-edible oil) và thành phần hóa học của chúng <ul style="list-style-type: none"> - Tác động của nhiên liệu sinh học đến môi trường sống hiện nay. - So sánh các nguồn khí thải của các động cơ sử dụng nhiên liệu sinh học và các động cơ không sử dụng nhiên liệu sinh học. Từ đó đề ra giải pháp sử dụng nguồn năng lượng này cho phù hợp | 8/2018 | Active learning | 30 | Cán bộ + sinh viên | Trần Nguyễn Phương Lan |
| 331 | Hạt polymer cấu trúc nano trong hệ thống dẫn truyền thuốc | <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản về hệ thống dẫn truyền thuốc - Một số loại hạt polymer cấu trúc nano có khả năng dẫn truyền thuốc - Quá trình dẫn thuốc và nhả thuốc của các hạt polymer kích thước nano | 11/2018 | Active learning | 25 | Cán bộ + sinh viên | Cao Lưu Ngọc Hạnh |
| 332 | Hạt lai giữa vật liệu hữu cơ và vô cơ với cấu trúc vỏ/lõi trong hệ thống dẫn truyền thuốc | <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản về cấu trúc vỏ/lõi của hạt lai mang thuốc - Phương pháp tổng hợp các hạt lai có cấu trúc vỏ/lõi - Quá trình dẫn thuốc và nhả thuốc của các hạt lai có cấu trúc vỏ/lõi | 11/2018 | Active learning | 25 | Cán bộ + sinh viên | Cao Lưu Ngọc Hạnh |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|---------------------------|-----------------------|
| 333 | Chất kết dính kiềm hoạt hóa: thành phần, công nghệ sản xuất và ứng dụng | Nội dung báo cáo cụ thể như sau: - Giới thiệu chung về chất kết dính kiềm hoạt hóa - Thành phần và tính chất của vật liệu chế tạo chất kết dính kiềm hoạt hóa - Công nghệ sản xuất và ứng dụng chất kết dính kiềm hoạt hóa - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường KCN | 20 | sinh viên cao học và sinh | Trần Vũ An |
| 334 | Ảnh hưởng của xỉ lò cao và tro bay đến các tính chất của chất kết dính kiềm hoạt hóa | Nội dung báo cáo cụ thể như sau: - Giới thiệu chung về xỉ lò cao, tro bay và chất kết dính kiềm hoạt hóa - Các tính chất cơ lý của xỉ lò cao, tro bay - Các tính chất của chất kết dính kiềm hoạt hóa từ xỉ lò cao và tro bay - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường KCN | 20 | sinh viên cao học và sinh | Trần Vũ An |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 335 | Nghiên cứu qui trình phối chế gel rửa tay diệt khuẩn | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về gel rửa tay diệt khuẩn - Trình bày phương pháp phối chế - Phương pháp phân tích đánh giá - Kết quả nghiên cứu + Khảo sát sự ảnh hưởng của carbopol 940 đến độ bền hệ gel + Khảo sát sự ảnh hưởng của glycerin đến độ bền hệ gel + Khảo sát sự ảnh hưởng của isopropyl alcohol đến độ bền hệ gel + Khảo sát sự ảnh hưởng của ethanol đến độ bền hệ gel + Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian khuấy đến độ bền hệ gel + Khảo sát sự ảnh hưởng của tốc độ khuấy đến độ bền hệ gel + Kết quả đánh giá, kiểm tra khả năng kháng khuẩn của dung dịch gel rửa tay diệt khuẩn. - Kết luận | 09/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên | Hồ Quốc Phong |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| 336 | Nghiên cứu qui trình tổng hợp hydroxyapatite từ xương bò | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về hydroxyapatite - Trình bày các phương pháp tổng hợp hydroxyapatite (HA) - Qui trình tổng hợp hydroxyapatite từ xương bò - Phương pháp phân tích đánh giá hydroxyapatite - Kết quả nghiên cứu + Tiền xử lý xương bò + Tổng hợp HA từ bột xương bò (BXB) + Ảnh hưởng của tỷ lệ BXB/H3PO4 đến sự hình thành và cấu trúc HA + Ảnh hưởng nhiệt độ phản ứng đến sự hình thành và cấu trúc HA + Ảnh hưởng của pH đến quá trình hình thành và cấu trúc HA + Ảnh hưởng nhiệt độ nung đến quá trình hình thành và cấu trúc HA + Ảnh hưởng của thời gian nung đến quá trình hình thành và cấu trúc HA - Kết luận | 10/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên | Hồ Quốc Phong |
| 337 | Xây dựng mô hình đa mục tiêu trong thiết kế mạng lưới vận tải xanh | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về chuỗi cung ứng xanh - Giới thiệu về vận tải xanh - Xây dựng mô hình toán đa mục tiêu nhằm tối thiểu chi phí và môi trường từ hoạt động vận tải - Các vấn đề được thảo luận. - Một trường hợp nghiên cứu | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Nguyễn Trường Thi |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| 338 | Ứng dụng mô hình cấu trúc diễn dịch (Interpretive Structural Modeling) và Quá trình phân tích mạng (Analytical Network Process) để phân tích và đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng tôm | <p>Lựa chọn chiến lược quản lý rủi ro chuỗi cung ứng hiệu quả sẽ góp phần nâng cao hiệu suất chuỗi cung ứng cũng như năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc quản lý rủi ro chuỗi cung ứng tôm hiệu quả là cần thiết và cần được thực hiện ngay từ đầu nhằm thỏa mãn yêu cầu xuất khẩu của các nước bạn, giám chi phí sản xuất trên toàn chuỗi, nâng cao chất lượng sản phẩm và an toàn cho người tiêu dùng.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định rủi ro và đánh giá mối quan hệ giữa các rủi ro bằng phương pháp mô hình cấu trúc diễn dịch (Interpretive Structural Modeling – ISM). Sau khi các mối quan hệ này được thành lập, chúng sẽ được gán trọng số dựa trên mức độ quan trọng từ Quá trình so sánh cặp từ ANP. -Việc kết hợp giữa ISM và ANP trong quản lý rủi ro sẽ giúp người ra quyết định ra quyết định chính xác hơn trong việc thực hiện chiến lược phòng chống và giảm nhẹ rủi ro trong chuỗi cung ứng tôm. | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Nguyễn Thị Lê Thùy |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|---|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------|
| 339 | Tìm hiểu phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA trong đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty, doanh nghiệp dịch vụ và sản xuất. (Đợt 1 chuyển qua) | Với phương pháp DEA, thông qua áp dụng kiến thức về mô hình toán tuyến tính, kinh tế, dựa vào số liệu về hiện trạng sản xuất, chúng ta có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của các công ty, doanh nghiệp dịch vụ và sản xuất. . Nội dung cụ thể: -Giới thiệu phương pháp phân tích màng bao số liệu DEA -Trình bày các thành phần cơ bản của mô hình DEA | 12/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ và sinh viên quan tâm | Nguyễn Thị Lệ Thùy |
| 340 | Một số vấn đề liên quan đến cát CaCO3 (sử dụng trong việc xây dựng đảo nhân tạo) | - Giới thiệu về cát CaCO3 - Phương pháp thí nghiệm - Kết quả phân tích: • So sánh tính chất cơ lý của cát Silica và cát CaCO3 (thí nghiệm cơ lý đất) • So sánh sức chống cắt của cát Silica và cát CaCO3 (thí nghiệm cắt đất trực tiếp và nén 3 trực động). - Một số vấn đề ảnh hưởng đến ứng xử của cát CaCO3. - Kết luận và kiến nghị | 11/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ, học viên cao học và sinh viên quan tâm | Phạm Hữu Hà Giang |
| 341 | Ảnh hưởng của đặc tính cỡ hạt đến sức chống cắt của cát CaCO3 | - Khái niệm các đặc tính cỡ hạt của đất. - Trình bày phương pháp đo. - Mối quan hệ giữa kích cỡ hạt và hình dạng hạt của đất. - Mối quan hệ giữa kích cỡ hạt và đặc tính vật lý của đất. - Kết quả phân tích từ thí nghiệm cắt đất trực tiếp đối với cát CaCO3 - Ảnh hưởng của các đặc tính cỡ hạt đến sức chống cắt của cát CaCO3 | 11/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ, học viên cao học và sinh viên quan tâm | Phạm Hữu Hà Giang |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|---------------------|------------------|--|-----------------------|
| 342 | Máy sấy nông sản tự động điều khiển và giám sát chế độ sấy | <p>Nội dung báo cáo bao gồm những điểm chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về các công nghệ sấy NSTP. - Kết quả nghiên cứu thiết kế, chế tạo, khảo nghiệm máy sấy NSTP tự động giám sát chế độ sấy. - Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm máy sấy. - Hướng nghiên cứu ứng dụng trong tương lai. - Kết luận. | 10/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ, HV cao học và sinh viên quan tâm | Nguyễn Văn Cường |
| 343 | Tăng cường quá trình sấy rau quả thực phẩm ứng dụng công nghệ giảm áp suất tức thời (DIC). | <p>Nội dung báo cáo bao gồm những điểm chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu các công nghệ sấy tiên tiến có tăng cường quá trình sấy. - Công nghệ giảm áp suất tức thời (DIC). - Kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ DIC để tăng cường quá trình sấy. - Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm và Hướng nghiên cứu ứng dụng của DIC. - Kết luận. | 10/2018 | Hội trường KCN | 30 | Cán bộ, HV cao học và sinh viên quan tâm | Nguyễn Văn Cường |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|--|--|
| 344 | Quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2007/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về ISO/IEC 17025 là cần thiết cho sinh viên-những người sẽ làm việc trong các phòng thí nghiệm (công ty sản xuất, trung tâm dịch vụ phân tích, kiểm định...). - ISO/IEC 17025 là tiêu chuẩn quốc tế đưa ra các yêu cầu để các phòng thí nghiệm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và là chuẩn mực để công nhận PTN. Những yêu cầu của tiêu chuẩn gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ cấu (tổ chức, pháp nhân...) + Nguồn lực (Nhân sự, cơ sở vật chất, môi trường, dịch vụ...) + Quá trình (thầu, lấy mẫu, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn, độ không đảm bảo phép đo....) + Quản lý (tài liệu, hồ sơ, hành động khắc phục phòng ngừa và cải tiến, đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo....) | 09/2018 | Khoa Công nghệ | 30 | CB và SV ngành CNHH và CB/sv khác làm việc ở PTN | <ul style="list-style-type: none"> - Ths. Thái Phạm Tuyết Phương- Phó GD- Phân tích và kiểm định hàng XNK VIACIMEX. - Nguyễn Thị Bích Thuyền |
| 345 | Kiểm soát tài liệu thuộc hệ thống quản lý: phê duyệt, ban hành, xem xét định kỳ, chỉnh sửa và kiểm soát tính hiệu lực. | Phòng thí nghiệm phải thiết lập và duy trì các thủ tục kiểm soát tất cả các tài liệu thuộc hệ thống quản lý (các tài liệu nội bộ hoặc có nguồn gốc từ bên ngoài) như các qui định, tiêu chuẩn, tài liệu chuẩn hóa khác, phương pháp thử và/hoặc hiệu chuẩn cũng như các bản vẽ, phần mềm, qui định kĩ thuật, hướng dẫn và sổ tay | 09/2018 | Khoa Công nghệ | 30 | CB và SV ngành CNHH và CB/sv khác làm việc ở PTN | <ul style="list-style-type: none"> - Ths. Thái Phạm Tuyết Phương- Phó GD- Phân tích và kiểm định hàng XNK VIACIMEX. - Nguyễn Thị Bích Thuyền |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|-----------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 346 | Sản xuất diesel sinh học bền vững từ nấm men oleaginous sử dụng dịch thủy phân của các sinh khối lignocellulosic khác nhau | <p>Dầu diesel sinh học là một trong những nhiên liệu thay thế tốt nhất cho nhiên liệu truyền thống. Trong những năm gần đây, dầu diesel sinh học đã nhận được sự quan tâm ngày càng tăng do khủng hoảng năng lượng trên toàn thế giới cùng với sự cạn kiệt nguồn nhiên liệu hóa thạch. Để sản xuất biodiesel bền vững, các nguồn nguyên liệu để sản xuất biodiesel chủ yếu tập trung vào các nguồn có khả năng tái tạo như vi tảo, dầu vi sinh vật tích lũy chất béo, v.v. Việc tận dụng các nguồn sinh khối làm nguồn nuôi nấm men tích lũy chất béo là một công nghệ mới, có tiềm năng và là hướng mới trong việc sản xuất nhiên liệu bền vững. Bài báo cáo sẽ trình bày khả năng sử dụng một số nguồn sinh khối khác nhau trong việc nuôi cấy nấm men tích lũy chất béo để sản xuất biodiesel. Cụ thể, báo cáo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu về vi sinh vật- nấm men tích lũy chất béo: tiềm năng so với nguyên liệu truyền thống + Sự tích lũy chất béo trong nấm men + Quá trình chuyển hóa sinh khối thành nguồn cung cấp dưỡng chất cho nấm men + Sản xuất biodiesel từ nấm men nuôi cấy trong môi trường sinh khối thủy phân | 09/2018 | Phòng Active learning | 30 | sinh viên và cán bộ | Huỳnh Liên Hương |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|---|--|-----------------|-----------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 347 | Ứng dụng kỹ thuật siêu tới hạn và cận tới hạn trong trích ly các hợp chất mang hoạt tính từ tảo biển và vi tảo (Đợt 1 chuyển qua) | <p>Bên cạnh các loài thực vật thì nguồn cung cấp các thành phần mang hoạt tính từ tảo và vi tảo ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu do tiềm năng khai thác các hoạt chất thiên nhiên từ hai nguồn vi sinh vật biển này. Kỹ thuật siêu tới hạn và kỹ thuật tận tới hạn được đánh giá là một trong những phương pháp trích ly mới cho hiệu quả trích ly cao và thân thiện môi trường và ngày càng được ứng dụng phổ biến hơn trong trích ly các hợp chất mang hoạt tính.</p> <p>Bài báo cáo sẽ trình bày cho người nghe những nội dung cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổng quan về kỹ thuật cận tới hạn và siêu tới hạn trong trích ly các thành phần mang hoạt tính. -Những nghiên cứu gần đây nhất về việc ứng dụng kỹ thuật cận tới hạn và siêu tới hạn trong trích ly các thành phần mang hoạt tính từ tảo biển và vi tảo. -Tính khả thi và triển vọng của việc ứng dụng kỹ thuật cận tới hạn và siêu tới hạn trong trích ly trong tương lai. | 10/2018 | Phòng Active learning | 30 | sinh viên và cán bộ | Huỳnh Liên Hương |
| 348 | Ảnh hưởng của tro bay đến sự phát triển cường độ xi măng đất | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính của đất tro bay; - Trình bày phương pháp trộn xi măng đất kết hợp tro bay; - Giới thiệu phương pháp đánh giá cường độ xi măng đất kết hợp tro bay; - Ảnh hưởng của tro bay đến sự phát triển cường độ xi măng đất. | 12/2018 | Khoa Công nghệ | 30 | sinh viên và cán bộ | Lê Gia Lâm |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|---|-----------------|--------------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 349 | Mô phỏng cố kết nền đất yếu bằng phần mềm ABAQUS | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu phần mềm ABAQUS - Mô phỏng cố kết bằng ABAQUS - Phân tích cố kết đất yếu bằng ABAQUS | 12/2018 | Khoa Công nghệ | 30 | sinh viên và cán bộ | Lê Gia Lâm |
| 350 | Sử dụng công cụ Qt Add-in trong xây dựng ứng dụng giao diện người dùng | <p>Bài báo cáo sẽ trình bày các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu sơ lược về Qt. - Hướng dẫn sử dụng bộ công cụ Qt Add-in cho Visual Studio. - Xây dựng một ứng dụng giao diện người dùng đơn giản trên nền tảng Visual Studio với công cụ Qt Add-in | 12/2018 | Phòng họp Khoa Công nghệ | 20 | sinh viên và cán bộ | Nguyễn Hữu Cường |
| 351 | Sử dụng ngôn ngữ Scratch trong lập trình Arduino | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu sơ lược về Scratch. - Hướng dẫn sử dụng ngôn ngữ lập trình Scratch. - Xây dựng một số ứng dụng Arduino bằng ngôn ngữ lập trình Scratch. | 12/2018 | Phòng họp Khoa Công nghệ | 20 | sinh viên và cán bộ | Nguyễn Hữu Cường |

| STT | Tên seminar(*) | Nội dung báo cáo(*) | Ngày báo cáo(*) | Địa điểm báo cáo(*) | Số lượng tham dự | Đối tượng tham dự | Báo cáo viên chính(*) |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 352 | Ảnh hưởng của mô đun biến dạng của lớp đất dưới mũi cọc lên sự phân bố tải trọng của mũi cọc trong móng bè cọc bằng phương pháp pdr và phương pháp phần tử hữu hạn | Tính toán sức chịu tải cực hạn của bè và nhóm cọc trong móng bè cọc. Phân tích so sánh các phương pháp tính toán tỉ lệ phần trăm giữa sức chịu tải dưới mũi cọc với tổng tải tác dụng lên cọc (Pb/Pt). Sử dụng phương pháp tính toán giải tích (PDR) và phương pháp phần tử hữu hạn (Plaxis 2D) để nghiên cứu phân tích tính toán sức chịu tải của móng bè cọc. Đưa ra tỉ lệ Pb/Pt dựa theo các thông số từ thí nghiệm đất có trong thực tế tại thành phố Cần Thơ của Việt Nam. Đánh giá sự phân bố tải trọng giữa sức kháng tại mũi cọc và ma sát bên của cọc đơn trong nhóm cọc của móng bè cọc. | 11/2018 | Hội trường KCN | 25 | Giảng viên và sinh viên năm cuối | Võ Văn Đầu |
| 353 | Hệ thống quản lý chất lượng Malcolm Baldrige | -Gói thiệu chung về hệ thống Malcolm Baldrige -Các tiêu chí và khái niệm cốt lõi của hệ thống Malcolm Baldrige -So sánh hệ thống quản lý chất lượng Malcolm Baldrige và ISO 9000 -Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai hệ thống Malcolm Baldrige ở Việt Nam. | 11/2018 | Hội trường KCN | 30 | sinh viên và cán bộ | Trần Thị Mỹ Dung |

(Tổng 353 đăng ký)



Hà Thành Toàn

Cần Thơ, ngày 09 tháng 7 năm 2018
PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Lê Nguyễn Đoan Khôi